

Ph í c I
M U G I Y NGH C P GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ
HO T NG CÔNG TY CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

GI Y NGH C P GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ HO T NG
CÔNG TY CH NG KHOÁN

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

Tên tôi là:

- Tên y c a c ông, thành viên sáng l p là t ch c thay m t các c ông, thành viên sáng l p khác (ghi b ng ch in hoa)
- Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh s do..... c p ngày tháng n m.....
- a ch tr s chính:
- i n tho i..... Fax:.....

Thay m t cho các c ông, thành viên sáng l p:

- i v i t ch c:
Tên y (ghi b ng ch in hoa)
Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh s do..... c p ngày tháng n m.....
- i v i cá nhân:
Tên y (ghi b ng ch in hoa)
Gi y ch ng minh nhân dân s ngày c p..... n i c p.....

ng y ban Ch ng khoán Nhà n c c p Gi y phép thành l p và ho t ng cho công ty ch ng khoán:

- Tên công ty:
- V n i u l :.....
- Các nghi p v kinh doanh d ki n: Môi gi i, t doanh
- N i d ki n t tr s chính:.....
- Ng i i di n theo pháp lu t:
- T ng Giám c (Giám c) d ki n:..... Qu c t ch:.....

Tôi cam kết và liên hệ chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy chứng nhận và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ đi kèm
(Liệt kê ý)

TM. Công sáng lập/Thành viên sáng lập/Chủ sở hữu
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ph í c II
M U THUY T MINH C S V T CH T CÔNG TY CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T ò - H nh phúc

..., ngày... tháng... n m ...

THUY T MINH C S V T CH T TH CHI N CÁC NGHI P V
KINH DOANH CH NG KHOÁN

(Áp d ng cho h s ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán; b sung nghi p v kinh doanh ch ng khoán; l p chi nhánh/phòng giao d ch công ty ch ng khoán; chuy n tr s chính/chi nhánh/phòng giao d ch)

I. Gi i thi u chung:

1. Tên công ty (Ghi b ng ch in hoa):.....
a ch tr s chính:.....
2. Tên Chi nhánh, phòng giao d ch (ch nêu tên n u liên quan n Ph n II).....
a ch chi nhánh, phòng giao d ch (n u có):.....

II. Thuy t minh chi ti t:

a ch tr s chính, chi nhánh, phòng giao d ch đ ki n chuy n n (n u có).....

1. T ng di n tích:.....
2. B trí phòng ban, m t b ng giao d ch:
3. C s v t ch t k thu t th c hi n nghi p v kinh doanh ch ng khoán:
 - a. H th ng ph c v cho ho t ng giao d ch:

TT	Thi t b , ph n m m	Mô t ch c n ng/thông s k thu t	S l ng
1	Máy ch (server)		
	Thi t b m ng		
	Máy tính nhân viên		
	ng truy n		
	i n tho i/T ng ài i n tho i		
	Máy in		

TT	Thị t b , ph n m m	Mô t ch c n ng/thông s k thu t	S l ng
	Máy fax		
	Bàn gh		
	ền chi u		
	Ph n m m giao d ch		
	Công b thông tin		
	Kho két		
	Thị t b khác		

b. H th ng ph c v cho ho t ng t doanh:

TT	Thị t b , ph n m m	Mô t ch c n ng/thông s k thu t	S l ng
1	Máy ch (server)		
	Thị t b m ng		
	Máy tính nhân viên		
	ng truy n		
	i n tho i/T ng ài i n tho i		
	Máy in		
	Máy fax		
	Bàn gh		
	ền chi u		
	Ph n m m giao d ch		
	Kho két		
	Thị t b khác		

c. H th ng d phòng:

d. H th ng l u tr thông tin, tài li u:

e. H th ng an ninh, b o m t:

Chúng tôi cam k t ch u trách nhi m hoàn toàn v tính chính xác, trung th c nh ng n i dung trên.

H s g i kèm: 1. *i v i h s ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng:*
(*Li t kê y*)

TM. C ông sáng l p/Thành viên sáng l p

(*Ký, óng d u, ghi rõ h tên*)

2. *i v i công ty ch ng khoán ã c c p Gi y phép thành l p*

Giám c/T ng giám c

(*Ký, óng d u, ghi rõ h tên*)

Ph 1 c III
M U DANH SÁCH NG I HÀNH NGH TH CHI N NGHI P V
KINH DOANH CH NG KHOÁN
 (Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
 c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

DANH SÁCH NG I HÀNH NGH CH NG KHOÁN
Công ty.....

TT	H và tên	CMND/h chỉ u			S ch ng ch hành ngh	Lo i CCHN
		S	Ngày c p	N i c p		
I	Tr s chính					
					
II	Chi nhánh (chi ti t t ng chi nhánh)					
	...					
III	Phòng giao d ch (chi ti t t ng phòng giao d ch)					
					

H s g i kèm: 1. i v i h s ngh c p Gi y phép thành l p và ho t
 (Li t kê y) ng:

TM. C ông sáng l p/Thành viên sáng l p
 (Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

2. i v i công ty ch ng khoán ã c c p Gi y phép
 thành l p và ho t ng

T ng giám c
 (Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph í c IV
M U B N THÔNG TIN CÁ NHÂN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

B N THÔNG TIN CÁ NHÂN

(Áp d ng cho c ông l n là cá nhân, ng i i di n ph n v n góp c a t ch c, thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, (T ng) Giám c, Phó (T ng) Giám c, Giám c chi nhánh, ng i làm vi c t i b ph n ki m soát n i b , ki m toán n i b)

nh 4x6

- 1) H và tên:..... Gi i tính: nam/n ;
- 2) Ngày, tháng, n m sinh:.....
- 3) N i sinh:
- 4) Qu c t ch: *(Các qu c t ch hi n có)*
- 5) S ch ng minh nhân dân/h chi u..... ngày c p.....n i c p..... có giá tr n ngày..... (i v i h chi u) ho c s gi y t ch ng th c cá nhân khác
- 6) N i ng ký h kh u th ng trú: s nhà..... kh i/xóm/thôn/.....ph ng/xã.... qu n/huy n.... t nh/thành ph
- 7) Ch hi n t i:.....
- 8) Trình chuyên môn:.....
- 9) Ngh nghi p:
- 10) Tên và a ch pháp nhân mà mình i di n, t l v n góp c i di n *(tr ng h p là ng i i di n ph n v n góp c a c ông pháp nhân).*
- 11) S l ng, t l c ph n n m gi t i các công ty ch ng khoán (li t kê c th)
- 12) Quá trình ào t o chuyên môn:

Th i gian	N i ào t o	Chuyên ngành ào t o	B ng c p

- 13) Quá trình làm vi c:

Th i gian	N i làm vi c	V trí công vi c

14) **Kê khai ng ười có liên quan** (*kê khai toàn bộ mối quan hệ “ng ười có liên quan” theo quy định tại Khoản 34 điều 6 Luật Công khoán*)

H và tên/Tên tắt có liên quan	M i quan h v i ng ười khai	GCN KKD/Ch ợng minh nhân dân, ngày c ập, n i c ập	N i làm vi c	V trí công vi c	Tên công ty ch ợng khoán có c ập n n m ợi	S l ợng c ập n, t l n m ợi

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

..., ngày... tháng... năm ...

Công chứng công thức ký các ngành khai hoặc xác nhận các chức năng làm việc hoặc xác nhận các ý kiến nhân dân có thẩm quyền về việc ng ười khai ng ký h ợi kh u th ợng trú t i a bàn	Ng ười khai (Ký, ghi rõ họ tên)
---	---

Ph í c V
M U DANH SÁCH C ÔNG, THÀNH VIÊN GÓP V N

(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

DANH SÁCH C ÔNG/THÀNH VIÊN GÓP V N

Công ty.....

TT	H và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	S CMND/ h chi u/ Gi y KKD	Ngày c p	Qu c t ch	S l ng c ph n/ ph n góp v n	T l (%)
I	C ông, thành viên sáng l p				(C ng)	
II	C ông, thành viên khác				(C ng)	
	T ng c ng					

H s g i kèm: 1. *i v i h s ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng:*
(Li t kê y) **TM. C ông sáng l p/Thành viên sáng l p**

(Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

2. *i v i công ty ch ng khoán ã c c p Gi y phép
thành l p và ho t ng*

T ng giám c

(Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph ầ I c VI
M U PH ầ NG ẮN HO T ầ NG KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Thông t ầ s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n ầ m 2012
c ầ B Tài chính)

PH ầ NG ẮN HO T ầ NG KINH DOANH
(Công ty....)

Ph ầ n I. Khái quát v ầ tình hình kinh t ầ , chính tr ầ , xã h ầ i và kh ầ n ng thành l ầ p m ầ i công ty ch ầ ng khoán (ch ầ áp d ầ ng ầ i v ầ i h ầ s ầ ngh ầ c p Gi y ph ầp thành l ầ p và ho t ầ ng công ty ch ầ ng khoán)

- I. T ầ ng quan v ầ tình hình kinh t ầ , chính tr ầ , xã h ầ i và nh ầ ng nh ầ h ầ ng c ầ a nó n ho t ầ ng s ầ n xu t kinh doanh c ầ a doanh nghi p
- II. T ầ ng quan v ầ th ầ tr ầ ng ch ầ ng khoán và kh ầ n ng tham gia c ầ a m ầ t công ty ch ầ ng khoán m ầ i thành l ầ p
 1. T ầ ng quan v ầ tình hình th ầ tr ầ ng ch ầ ng khoán Vi t Nam
 2. ầnh giá kh ầ n ng gia nh p th ầ tr ầ ng c ầ a m ầ t công ty ch ầ ng khoán m ầ i thành l ầ p
 3. C ầ n c ầ pháp lý cho vi c ầ thành l ầ p vào ho t ầ ng công ty ch ầ ng khoán

Ph ầ n II. Gi ầ i thi u v ầ công ty ch ầ ng khoán

- I. Gi ầ i thi u t ầ ng th
 1. Tên Công ty:.....
 2. V ầ n ầ i u l ầ :.....
 3. Nghi p v ầ kinh doanh
- II. T ầ ch c b ầ máy c ầ a công ty ch ầ ng khoán
 1. S ầ t ch c b ầ máy
 2. Gi ầ i thi u ch c n ầ ng nhi m v ầ t ầ ch c b ầ máy
- III. ầnh h ầ ng phát tri ầ n theo giai o ầ n

Ph ầ n III. Ph ầ ng ắ n ho t ầ ng kinh doanh

- I. Ph ầ n tích ầ i m m nh, y u, c ầ h ầ i phát tri ầ n và thách th ầ c c ầ a công ty
- II. Ph ầ n tích c ầ nh tranh
- III. M ầ c tiêu và chỉ n ầ l ầ c phát tri ầ n c ầ a công ty ch ầ ng khoán

IV. Các hoạt động kinh doanh của công ty chi ngân sách.

V. Kế hoạch Marketing

VI. Dự án đầu tư sản xuất

Phần V. Dự án tài chính

I. Các phân tích

II. Dự án huy động và sử dụng vốn

III. Dự án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

V. Dự án tài chính khác

Phần VI. Kết luận

Phụ lục kèm:

- Quy trình nghiệp vụ

- Quy trình kiểm soát

riêng, quản trị nhân sự

(liệt kê chi tiết)

1. *Đề nghị* **Giấy phép thành lập và hoạt động:**

TM. Công sáng lập/Thành viên sáng lập

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. *Đề nghị* **Giấy phép thành lập và hoạt động**

Chỉ định pháp nhân công ty

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ph í c VII
M U G I Y NGH I U CH NH GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ
HO T NG CÔNG TY CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T ò - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

GI Y NGH I U CH NH GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ HO T
NG CÔNG TY CH NG KHOÁN

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty (Tên y c a công ty ghi b ng ch in hoa):
- Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán s : ... do y ban Ch ng khoán Nhà n c c p ngày ... tháng ... n m
- a ch tr s chính:.....
- i n tho i: ... Fax:... Website:.....

ng h y ban Ch ng khoán Nhà n c i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng cho Công ty nh sau:

i v i tr ng h p b sung, rút nghi p v kinh doanh

- Nghi p v kinh doanh ch ng khoán ã c c p:.....
- Nghi p v kinh ch ng khoán ng h b sung, rút b t:.....

i v i tr ng h p thay i tên công ty

- Tên hi n t i:
- Tên ngh s a i:

i v i tr ng h p thay i a i m t tr s chính

- a i m c :.....
S i n tho i:..... Fax:.....
- a i m m i:.....
S i n tho i:..... Fax:.....

i v i tr ng h p thay i v n i u l

- V n i u l c
- V n i u l m i.....

i v i tr ng h p thay i ng i i ð i n theo pháp lu t

- Ng i i di n theo pháp lu t c :.....
 H và tên:..... Ch c danh.....
 Ngày tháng n m sinh..... Gi i tính
 S ch ng minh nhân dân/h chi u..... ngày c p.....n i c p.....
 N i ng ký h kh u th ng trú.....
- Ng i i di n theo pháp lu t m i c b nhi m:.....Qu c t ch
 H và tên:..... Ch c danh.....
 Ngày tháng n m sinh..... Gi i tính
 S ch ng minh nhân dân/h chi u..... ngày c p.....n i c p.....
 N i ng ký h kh u th ng trú:.....

Lý do ngh i u ch nh:.....

Chúng tôi cam k t và liên i ch u trách nhi m hoàn toàn v tính chính xác,
 trung th c c a n i dung Gi y ngh và h s kèm theo.

H s g i kèm:
 (Li t kê y)

(T ng) Giám c
 (Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph 1 c VIII
GI Y NGH GI I TH CÔNG TY CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

GI Y NGH CH P THU NGI I TH

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty (Tên y c a công ty ghi b ng ch in hoa):
- Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán s : ... do y ban Ch ng khoán Nhà n c c p ngày ... tháng ... n m
- a ch tr s chính:.....
- V n i u l :.....
- i n tho i: Fax:...

ng h y ban ch ng khoán Nhà n c ch p thu n cho công ty c gi i th .
Lý do gi i th :.....

Chúng tôi cam k t và liên i ch u trách nhi m hoàn toàn v tính chính xác,
trung th c c a n i dung Gi y ngh và h s kèm theo.

H s kèm theo:
(Li t kê y)

Ng i i di n theo pháp lu t c a
công ty ch ng khoán
(Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph 1 c IX
M U G I Y N G H T H À N H L P (Ó N G C A) C H I N H Á N H ,
PHÒNG GIAO D CH, V N PHÒNG I D I N C A C Ô N G T Y C H N G
KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C N G H Ò A X Æ H I C H N G H A V I T N A M
c l p - T do - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

G I Y N G H T H À N H L P (Ó N G C A) , T H A Y I A I M
C H I N H Á N H / P H Ò N G G I A O D C H / V N P H Ò N G I D I N C A
C Ô N G T Y C H N G K H O Á N

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty ch ng khoán (tên y c a công ty ghi b ng ch in hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán s :..... do y ban Ch ng khoán Nhà n c c p ngày ... tháng ... n m ...
- a ch tr s chính:
- i n tho i: Fax:...

ng h y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n cho Công ty c thành l p (ó ng c a), thay i a i m chi nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i di n nh sau:

Tr ng h p thành l p (ó ng c a) chi nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i di n

- Tên chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n:.....
- a ch t chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n:
- i n tho i: Fax:...
- N i dung, ph m vi ho t ng theo y quy n:.....

Tr ng h p thay i a i m chi nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i di n

- a i m c :.....
- S i n tho i:..... Fax:.....
- a i m m i:.....
- S i n tho i:..... Fax:.....

Lý do thành lập (ông cha), thay vì địa chỉ nhánh, phòng giao dịch, văn phòng hiện tại

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung Giấy này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê cụ thể)

(Tờng) Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ph 1 c X
M U G I Y N G H S A I Q U Y T N H C H P T H U N T H À N H
L P C H I N H Á N H , P H Ò N G G I A O D C H , V N P H Ò N G I D I N
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C N G H Ò A X ã H I C H N G H A V I T N A M
c l p - T ò - H ã n h p h ú c

....., ngày..... tháng..... n m

G I Y N G H S A I Q U Y T N H C H P T H U N T H À N H L P
C H I N H Á N H / P H Ò N G G I A O D C H / V N P H Ò N G I D I N

Kính g i: y ban Ch ã ng khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty ch ã ng khoán (tên y c a công ty ghi b ã ng ch ã n hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ã ng ho t ã ng công ty ch ã ng khoán s : ...
do y ban Ch ã ng khoán Nhà n c c p ngày ... tháng ... n m ...
- a ch tr s chính:
- i n tho i:..... Fax:.....
- Quy t ã nh thành l p chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i d i n s ...
ngày ... do y ban Ch ã ng khoán Nhà n c c p.

ng h y ban Ch ã ng khoán Nhà n c s a i ch p thu n thành l p chi
nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i d i n cho công ty chúng tôi nh sau:

Tr ã ng h p b sung, rút nghi p v ã kinh doanh t i chi nhánh

- Nghi p v ã kinh doanh ch ã ng khoán ã c c p phép ho t ã ng (li t kê
chi ti t):.....
- Nghi p v ã kinh ch ã ng khoán ã ng rút/b sung:.....

Tr ã ng h p thay i tên chi nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i d i n

- Tên c c a chi nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i d i n:.....
- Tên m i c a chi nhánh/phòng giao d ch/v n phòng i d i n:.....

Tr ã ng h p thay i Giám c chi nhánh

- Giám c chi nhánh c :.....
S Gi y ch ã ng minh nhân dân/h ã chi u.....ngày c p.....n i c p.....
S ch ã ng ch ã hành ã ng : Lo i CCHN.....
- Giám c chi nhánh m i:.....

S Gi y ch ng minh nhân dân/h chi u.....ngày c p.....n i c p.....

S ch ng ch hành ngh : Lo i CCHN.....

Lý do thay i:

Công ty cam k t ch u trách nhi m tr c pháp lu t v tính chính xác, trung th c c a Gi y ngh và h s kèm theo.

H s kèm theo:

(Li t kê y)

(T ng) Giám c

(Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph 1 c XI
M U I U L C Ô N G T Y C H Ñ G K H O Á N
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

B TÀI CHÍNH

C Ñ G H O À X Æ H Ñ C H Ñ G H A V Ñ T N A M
c l p - T ñ o - H ñ h p h ú c

I U L M U
Á P D Ñ G C H O C Á C C Ô N G T Y C H Ñ G K H O Á N
(Công ty ch ñ g khoán ph ñ ban hành ñ i u l phù h p v ñ các quy
nh t ñ ñ i u l m u và không b g ñ h ñ b ñ ñ h ñ g ñ ñ ñ ñ g c a
ñ i u l m u)

M C L C

C n c pháp lý

Ch ơng I. Quy ̣nh chung

đ i u 1. Gi ̣i thích thu ̣ t ̣ng

đ i u 2. Tên, hình th ̣ c pháp lý, tr ̣ s ̣ , c ̣ c ̣ u t ̣ ch ̣ c và th ̣ i h ̣ n ho ̣ t ̣ ng c ̣ a Công ty

đ i u 3. Ng ̣ i ̣ i đ i n theo pháp lu ̣ t

đ i u 4. Ph ̣ m vi ho ̣ t ̣ ng kinh doanh

đ i u 5. V ̣ n i ̣ u l

đ i u 6. M ̣ c tiêu ho ̣ t ̣ ng

đ i u 7. Nguyên t ̣ c ho ̣ t ̣ ng

đ i u 8. Quy ̣ n c ̣ a Công ty

đ i u 9. Ngh ̣ a v ̣ c ̣ a Công ty

đ i u 10. Các quy ̣ nh v ̣ c m và h ̣ n ch

Ch ơng II. C ̣ ph ̣ n/ph ̣ n v ̣ n góp và ch ̣ s ̣ h ̣ u/c ̣ ơng/thành viên góp v ̣ n

M ̣ c 1. C ̣ ph ̣ n/ph ̣ n v ̣ n góp

đ i u 11. Các lo ̣ i c ̣ ph ̣ n (̣ i v ̣ i công ty c ̣ ph ̣ n)

đ i u 12. Chuy ̣ n nh ̣ ng ph ̣ n v ̣ n góp/c ̣ ph ̣ n

đ i u 13. Mua l ̣ i ph ̣ n v ̣ n góp/c ̣ ph ̣ n

đ i u 14. Cách th ̣ c t ̣ ng, gi ̣ m v ̣ n i ̣ u l

M ̣ c 2. Ch ̣ s ̣ h ̣ u/thành viên sáng l ̣ p/c ̣ ơng sáng l ̣ p; quy ̣ n và ngh ̣ a v ̣ c ̣ a ch ̣ s ̣ h ̣ u/thành viên/c ̣ ơng

đ i u 15. Thông tin v ̣ Ch ̣ s ̣ h ̣ u/thành viên sáng l ̣ p/c ̣ ơng sáng l ̣ p

đ i u 16. Quy ̣ n c ̣ a ch ̣ s ̣ h ̣ u/thành viên/c ̣ ơng

đ i u 17. Ngh ̣ a v ̣ c ̣ a ch ̣ s ̣ h ̣ u/thành viên/c ̣ ơng

đ i u 18. S ̣ ng ký thành viên/s ̣ ng ký c ̣ ơng

đ i u 19. Ch ̣ ng ch ̣ c phi ̣ u (quy ̣ nh ̣ i v ̣ i công ty c ̣ ph ̣ n)

Ch ơng III. Qu ̣ n tr ̣ , đ i u hành công ty

M ̣ c 1. Qu ̣ n tr ̣ , đ i u hành c ̣ a công ty c ̣ ph ̣ n

đ i u 20. B ̣ máy qu ̣ n tr ̣ đ i u hành c ̣ a Công ty

I. i h i ng c ông

i u 21. Th m quy n c a i h i ng c ông

i u 22. Các i di n c u quy n

i u 23. Tri u t p h p i h i ng c ông

i u 24. Ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông

i u 25. i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông

i u 26. Th th c ti n hành h p i h i ng c ông

i u 27. B u d n phi u

i u 28. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

i u 29. Hi u l c quy t nh c a i h i ng c ông

i u 30. Biên b n h p i h i ng c ông

II. H i ng qu n tr

i u 31. Th m quy n c a H i ng qu n tr

i u 32. Thành p h n, nhi m k và s l ng thành viên H i ng qu n tr

i u 33. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr

i u 34. Cu c h p H i ng qu n tr và biên b n cu c h p

i u 35. Mi n nhi m, bãi nhi m và b sung thành viên H i ng qu n tr

i u 36. Thành viên H i ng qu n tr c l p, không i u hành

i u 37. Ch t ch H i ng qu n tr

i u 38. B p h n Ki m toán n i b và Qu n tr r i ro c a H i ng qu n tr

III. Ban Giám c (Ban T ng Giám c)

i u 39. Thành p h n, ngh a v và quy n l i c a Ban Giám c (Ban T ng Giám c)

i u 40. Tiêu chu n và i u ki n làm Giám c (T ng Giám c)

i u 41. Mi n nhi m, bãi nhi m Giám c (T ng Giám c)

i u 42. B p h n Ki m soát n i b và Qu n tr r i ro tr c thu c Ban Giám c (Ban T ng Giám c)

IV. Ban Ki m soát

i u 43. Nhi m v và quy n h n c a Ban Ki m soát

i u 44. S l ng thành viên và nhi m k c a Ban Ki m soát

i u 45. Cách th c ho t ng và cu c h p c a Ban ki m soát

điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

điều 47. Nhiệm vụ, quyền hạn thành viên Ban Kiểm soát

Mục 2. Quản trị, điều hành của công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)

điều 48. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

I. Hội đồng thành viên

điều 49. Thành quy định của Hội đồng thành viên

điều 50. Trình tự họp Hội đồng thành viên

điều 51. Các điều kiện của quy định (điều lệ) công ty TNHH có hai thành viên trở lên)

điều 52. Điều kiện họp và thẩm quyền hành động Hội đồng thành viên

điều 53. Thông qua quy định của Hội đồng thành viên

điều 54. Biên bản họp Hội đồng thành viên

điều 55. Chức năng Hội đồng thành viên

điều 56. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

II. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

điều 57. Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

điều 59. Nhiệm vụ, quyền hạn Giám đốc (Tổng Giám đốc)

điều 60. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

III. Ban Kiểm soát

điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

điều 62. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

điều 63. Cách thức hoạt động và chức năng của Ban Kiểm soát

điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

điều 65. Nhiệm vụ, quyền hạn thành viên Ban Kiểm soát

Chương IV. X lý mối quan hệ với các đối tác liên quan

điều 66. Các tranh chấp có thể xảy ra

điều 67. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

điều 68. Các giao dịch phi thường của công ty

điều 69. Bộ quy tắc ứng xử trong giao dịch với bên liên quan

i u 70. Ch báo cáo và công b thông tin

Ch ng V. Qu n lý tài chính, k toán

i u 71. N m tài chính

i u 72. H th ng k toán

i u 73. Ki m toán

i u 74. Nguyên t c phân chia l i nhu n

i u 75. X lý l trong kinh doanh

i u 76. Trích l p các qu theo quy nh

Ch ng VI. Gia h n th i h n ho t ng, t ch c l i, gi i th và phá s n

i u 77. Gia h n th i h n ho t ng

i u 78. T ch c l i Công ty

i u 79. Gi i th

i u 80. Phá s n

Ch ng VII. Th th c s a i và b sung i u l

i u 81. B sung và s a i i u l

Ch ng VIII. Hi u l c c a i u l

i u 82. Ngày hi u l c

C N C PHÁP LÝ

- Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các v n b n h ng d n thi hành Lu t Doanh nghi p;

- Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29/06/2006, Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán c Qu c h i thông qua ngày 24 tháng 11 n m 2010 và các v n b n h ng d n thi hành Lu t Ch ng khoán.

Ch ng I

QUY NH CHUNG

ì u 1. Gi i thích thu t ng

1. Tr tr ng h p các ì u kho n ho c ng c nh c a ì u l này quy nh khác, các thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:

a) “Công ty” là Công ty c ph n/Công ty trách nhi m h u h n (TNHH) ch ng khoán..... (tên y b ng tí ng Vi t c a Công ty);

b) “V n ì u l ” là t ng giá tr s v n do ch s h u ã góp/t ng giá tr các ph n v n góp do các thành viên ã góp/t ng giá tr m nh giá s c ph n ã phát hành mà các c ông ã thanh toán và c ghi vào ì u l công ty;

c) “Lu t Ch ng khoán” là Lu t Ch ng khoán ã c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 06 n m 2006 và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán c Qu c h i thông qua ngày 24 tháng 11 n m 2010;

d) “Lu t Doanh nghi p” là Lu t Doanh nghi p ã c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;

e) “ ì u kho n” là m t ì u kho n c a ì u l này;

f) “Ngày thành l p” là ngày Công ty c c p Gi y phép thành l p và ho t ng;

g) “Pháp lu t” là t t c v n b n quy ph m pháp lu t quy nh t i ì u l Lu t Ban hành v n b n quy ph m pháp lu t c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 03 tháng 06 n m 2008;

h) “Ng i qu n lý công ty” là thành viên H i ng thành viên/Ch t ch H i ng thành viên, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban Giám c

(T ờng Giám ả) và ... (các ch ể danh qu ản lý khác do Công ty quy ảnh);

i) “Ng ườ i có liên quan” là cá nhân ho ặ c t ể ch ể có quan h ệ v ớ i nhau theo quy ảnh c ả Lu ậ t Ch ể ng kho ản và Lu ậ t Doanh nghi ệ p;

j) “C ố ông l ầ n” là c ố ông s ả h ử tr ể t ể p ho ặ c gián t ể p t ể n m ph ầ n tr ể m (5%) tr ể lên s ể c phí ử c ó quy ản bi ể u quy ể t c ả Công ty;

k) “Vi ệ t Nam” là n ể c C ố ng ho ả Xã h ệ Ch ể ngh ả Vi ệ t Nam;

l) “UBCK” là ể y ban Ch ể ng kho ản Nhà n ể c.

2. Trong ể i ử l ầ n này, vi ể c tham chi ể u t ể i b ể t k ể i ử kho ản ho ặ c v ầ n b ể n nào s ể bao g ể m c ể nh ể ng v ầ n b ể n s ể ả i ho ặ c thay th ể c ả i ử kho ản ho ặ c v ầ n b ể n ó.

3. Các ể i ể u (ch ể ng, ể i ử c ả i ử l ầ n) c ể ả vào thu ầ n t ể n cho vi ể c theo đ ể i và không ể nh ể h ể ng t ể i ý ngh ả, n ể i dung c ả i ử l ầ n.

4. Các t ể ho ặ c thu ể t ng ể ả c ể nh ể ngh ả trong Lu ậ t Doanh nghi ệ p, Lu ậ t Ch ể ng kho ản s ể c ó ngh ả t ể ng t ể trong ể i ử l ầ n này n ử không mâu thu ầ n v ớ i ch ể th ể ho ặ c ng ể c nh ể.

ể i ử 2. Tên, hình th ể c pháp lý, tr ể s ể , c ể c ử t ể ch ể c và th ể i h ể n ho ặ t ng ể c ả Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên ể y ể b ể ng t ể ng Vi ệ t:

b) Tên T ể ng Anh:

c) Tên giao đ ể ch ể:

d) Tên vi ể t t ể t:

2. Hình th ể c pháp lý c ể ả Công ty:

Công ty trách nhi ể m h ử h ể n m ể t thành vi ể n/Công ty trách nhi ể m h ử h ể n t ể hai thành vi ể n tr ể lên/Công ty c ể ph ầ n ể c c ể p gi ể y phép thành l ể p và ho ặ t ng ể theo quy ảnh c ả Lu ậ t Ch ể ng kho ản, có t ể cách pháp nh ể n, phù h ể p v ớ i pháp lu ậ t h ể n hành c ể ả Vi ệ t Nam.

3. Tr ể s ể Công ty:

a) ể ả ch ể tr ể s ể chính: (ghi rõ s ể nhà, ph ể , ph ể ng, qu ể n/huy ể n, T ể p, T ể nh)

b) ể i n tho ể i: Fax:

c) ể ả ch ể trang web (n ử c ó):

4. C ể c ử t ể ch ể c:

a) Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đi đến thực hiện các mục tiêu hàng của Công ty, phù hợp với quy định của Hiến pháp/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên sau khi được UBCK chấp thuận;

b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đi đến là những văn thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đi đến của mình;

c) Công ty chịu hoạt động kinh doanh kế toán, cung cấp dịch vụ kế toán tại các địa điểm trực tiếp chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đi đến phải mang tên Công ty kèm theo chữ viết chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đi đến và tên riêng biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là ... năm/vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định của pháp luật này.

Điều 3. Ngừng đi đến theo pháp luật

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người đi đến theo pháp luật của Công ty (Công ty chịu trách nhiệm trong số các chức danh trên vào vị trí người đi đến theo pháp luật).

2. Quy định của người đi đến theo pháp luật:

a) Người đi đến theo pháp luật của Công ty theo quy định của pháp luật này phải có ít nhất 3 thành viên; trường hợp vắng mặt ít nhất 3 thành viên (30) ngày thì phải quy định bổ sung bổ sung cho người khác theo quy định pháp luật thực hiện các quy định và nhiệm vụ của người đi đến theo pháp luật của Công ty;

b) Trường hợp hết thời hạn quy định mà người đi đến theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có quy định khác thì người đi đến quy định (theo quy định của pháp luật này) vẫn tiếp tục thực hiện các quy định và nhiệm vụ của người đi đến theo pháp luật trong phạm vi của quy định cho đến khi người đi đến theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Chủ tịch/Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị

quy t nh b nhim ng i khác vào ch c danh c a Ng i i di n theo pháp lu t;

c) Tr ng h p Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty v ng m t t i Vi t Nam quá ba m i (30) ngày mà không y quy n cho ng i khác th c hi n các quy n và nhi m v c a Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty thì Ch s h u/H i ng thành viên/H i ng qu n tr b nhim ng i khác vào ch c danh Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.

3. i u kho n khuy n ngh : Tr ng h p Giám c (T ng Giám c) là Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty: n u Giám c (T ng Giám c) b t m gi , t m giam, tr n kh i n i c trú, b m t ho c h n ch n ng l c hành vi dân s , b Tòa án t c quy n hành ngh ho c sau khi mi n nhi m mà Công ty ch a b nhim c Giám c (T ng Giám c) m i thì ng nhiên Ch t ch H i ng thành viên/Ch t ch H i ng qu n tr là Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty cho n khi Ch s h u/H i ng thành viên/H i ng qu n tr b nhim c ng i khác vào ch c danh trên (ho c ng c l i i v i tr ng h p Ch t ch H i ng thành viên/Ch t ch H i ng qu n tr là Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty).

i u 4. Ph m vi ho t ng kinh doanh

1. Nghi p v kinh doanh c a Công ty là (m t, m t s ho c toàn b các nghi p v sau):

- a) Môi gi i ch ng khoán;
- b) T doanh ch ng khoán;
- c) B o lãnh phát hành ch ng khoán;
- d) T v n u t ch ng khoán.

2. Ngoài các nghi p v kinh doanh ch ng khoán quy nh t i kho n 1 i u này, Công ty c cung c p d ch v l u ký ch ng khoán, t v n tài chính, nh n y thác qu n lý tài kho n giao d ch ch ng khoán c a nhà u t và các d ch v tài chính khác theo quy nh c a B Tài chính.

3. Công ty có th b sung, rút b t m t ho c m t s nghi p v kinh doanh nêu t i kho n 1 i u này sau khi c UBCK ch p thu n.

i u 5. V n i u l

Vào ngày thông qua i u l này, v n i u l c a Công ty là... (b ng s) VND (..... b ng ch).

Điểm 6. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:.....
2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên của quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chấp hành những mục tiêu ở sau khi được chấp thuận.

Điểm 7. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Thành tín hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc tổ chức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo tuân thủ các quy định, văn bản và các quy định của pháp luật cho hoạt động kinh doanh kế toán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ nhằm tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bằng cho khách hàng biệt trừ về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, nghiệp vụ hành nghề và khách hàng.
6. Bảo vệ nghiệp vụ hành nghề kế toán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Nghiệp vụ hành nghề kế toán thành tín nghiệp vụ hoạt động kinh doanh không được thành tín nghiệp vụ môi giới kế toán.
7. Đảm bảo giá cước khuyến khích giao dịch liên quan nhằm tạo lợi ích kế toán các thành phần trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ các chi phí phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
8. Nguyên tắc khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điểm 8. Quy định của Công ty

1. Có tất cả các quy định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Kế toán.
2. Cung cấp dịch vụ kế toán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bổ sung quy định và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quy định của công đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Các quy định khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thiệt lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c) Tuân thủ các nguyên tắc và quy định công ty theo quy định của pháp luật và nội quy công ty;
 - d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho người phụ trách kinh doanh chi nhánh kế toán của Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà xuất bản khi thi hành nhiệm vụ cho nhà xuất bản để khắc thu thuế suất của nhân viên;
 - f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g) Thực hiện việc bán hàng cho khách hàng bán chi nhánh kế toán khi không sử dụng chi nhánh kế toán và cho khách hàng vay chi nhánh kế toán bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chi nhánh kế toán;
 - i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về ngân ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chi nhánh kế toán;
 - l) Nguyên tắc khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ của công/ thành viên:

a) Phân rõ trách nhiệm giữa Hội đồng/Hội thành viên và Hội quản trị, Chủ tịch Hội quản trị/Chủ tịch Hội thành viên, Ban kiểm soát quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Thiệt lập hệ thống thông tin liên lạc với các công/ thành viên nhằm cung cấp thông tin và tiếp xúc công bằng giữa các công/ thành viên, nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công/ thành viên;

c) Không thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết và thu nhập, lợi nhuận cho các thành viên/công (trừ trường hợp cổ đông sở hữu phần ưu đãi cổ tức);

- Nhận bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ công/ thành viên góp vốn của các công/ thành viên;

- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các công/ thành viên một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới hình thức gì với các công/ thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội quản trị/Hội thành viên, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc), kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội quản trị bổ nhiệm và người có liên quan cá nhân người này;

- Tổ chức cho công/ thành viên bằng cách mua trái phiếu/ phần vốn góp của các công/ thành viên dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

- Xuyên phạm đến các quyền của công/ thành viên như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

d) Nghĩa vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Nghĩa vụ của khách hàng:

a) Luôn giữ gìn tín dụng của khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b) Quản lý tách biệt tài sản và chi nhánh của khách hàng, quản lý tách biệt tài sản và chi nhánh của khách hàng và chi nhánh của Công ty. Mọi giao dịch ngân hàng của khách hàng phải có Công ty thể hiện qua ngân hàng. Không làm đọng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tài sản thanh toán giao dịch của khách hàng, chi nhánh của khách

hàng lưu ký tại Công ty;

c) Ký hợp đồng bán và mua lại khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp ý kiến, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d) Charalita.vn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nhận thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, khả năng liên hệ của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bỏ qua các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phù hợp với tình khách hàng;

e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và nội dung thông tin công bố cho khách hàng. Mời khách hàng đưa ra các quy định đầu tư trên cơ sở đã cung cấp thông tin ý kiến, bao gồm nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai lệch;

f) Thành thật, không tỏ ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh khỏi, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ công bằng với khách hàng;

g) Ưu tiên thực hiện lợi ích của khách hàng trước lợi ích của Công ty;

h) Thiệt lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khi cần liên hệ khách hàng;

i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j) Bỏ qua thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bỏ qua một số thông tin liên quan đến hồ sơ chi nhánh và tài sản của khách hàng, thành viên chi nhánh, phòng toà, chứng cứ, trích chuyen tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

- Quy định hiện hành này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Kế toán viên thực hiện kế toán báo cáo tài chính của Công ty;

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

k) Nghĩa vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 10. Các quy định về cơ chế và hệ thống

1. Quy định về Công ty:

a) Không có trách nhiệm hoặc bổ nhiệm khách hàng về mặt thu nhập hoặc lợi nhuận từ các khoản đầu tư của mình hoặc bổ nhiệm khách hàng không bắt buộc, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b) Không có nghĩa vụ hoặc trả lãi suất cho các chi phí chia sẻ lợi nhuận/thuất lợi về khách hàng lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c) Không có trách nhiệm hoặc gián tiếp thi thụt các tài sản ngoài các tài sản giao dịch của UBCK chấp thuận ký hợp đồng, nhân viên, thành viên nhân viên giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán về khách hàng;

d) Không nhân viên, thanh toán giao dịch về ngân hàng khác không phải là ngân hàng tên tài khoản giao dịch mà không có sự quy định của khách hàng bằng văn bản;

e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để ký, giao dịch chứng khoán;

f) Không chỉ định chứng khoán, tín dụng chứng khoán của khách hàng theo hình thức lợi dụng danh tiếng Công ty;

g) Không tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi có khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Không có thể hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không có chi phí ngay khi mở tài khoản nhưng miễn trừ trách nhiệm pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bị thiệt hại của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thể hiện nghĩa vụ bị thiệt hại một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;

j) Quy định và hạn chế khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quy định về ngành nghề chứng khoán:

a) Trừ trường hợp đặc biệt là ngành đi đầu tiên và góp phần vào Ban quản lý công ty của các xã hội Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, ngành nghề chứng khoán không có:

- ngành nghề làm việc cho tổ chức khác có quan hệ xã hội về Công ty;

- người làm việc cho công ty chng khoán, công ty quản lý qu khác;

- người làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

b) Chủ tài khoản giao dịch chng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng với vị trí người lập khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chng khoán;

c) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chng khoán là người thay mặt cho Công ty thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chng khoán. Không được sử dụng tên, chng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;

d) Quy định cấm và hạn chế khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Quy định với thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

a) Thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chng khoán khác;

b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chng khoán khác;

c) Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) không được đồng thời làm việc cho công ty chng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Giám đốc (Tổng Giám đốc) không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chng khoán khác;

d) Quy định cấm khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Chương II

C PH N/PH N V N GÓP; C ÔNG/THÀNH VIÊN/CH S H U

M c 1

C PH N/PH N V N GÓP

i u 11. Các lo i c ph n (i v i công ty c ph n)

1. T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành ... c ph n. M nh giá c ph n là ... ng Vi t Nam/c ph n.

2. Các lo i c ph n c a Công ty:

- a) C ph n ph thông: ... c ph n;
- b) C ph n u ã bi u quy t: ... c ph n;
- c) C ph n u ã c t c: ... c ph n;
- d) C ph n u ã hoàn l i: ... c ph n.

3. C ph n ph thông không th chuy n i thành c ph n u ã. C ph n u ã có th chuy n i thành c ph n ph thông theo quy t nh c a i h i ng c ông. Cách th c, t l chuy n i do i h i ng c ông thông qua trong khuôn kh pháp lu t.

4. c i m c a các lo i c ph n:

a) C ph n ph thông: m i c ph n ph thông có 01 phi u bi u quy t. Ng i s h u c ph n ph thông là c ông ph thông. Ng i n m gi c ph n ph thông có quy n tham gia vào quá trình a ra các quy t nh c a Công ty đ i hình th c b phi u t i c u c h p i h i ng c ông;

b) C ph n u ã bi u quy t: m i c ph n u ã bi u quy t có ... phi u bi u quy t. Ch có t ch c c Chính ph u quy n và c ông sáng l p c quy n n m gi c ph n u ã bi u quy t. C ông s h u c ph n u ã bi u quy t không c chuy n nh ng c ph n ó cho ng i khác. Quy n u ã bi u quy t c a c ông sáng l p ch có hi u l c trong ba (03) n m, k t ngày thành l p. Sau th i h n này, c ph n u ã bi u quy t c a c ông sáng l p s c chuy n i thành c ph n ph thông;

c) C ph n u ã c t c: c ph n u ã c t c c tr c t c v i m c cao h n% so v i m c c t c c a c ph n ph thông ho c c tr n nh hàng n m. C t c c tr hàng n m g m c t c c nh và c t c th ng. C t c c nh không ph thu c vào k t qu kinh doanh c a Công ty. M c c t c c nh c th và ph ng th c xác nh c t c th ng c ghi trên c phi u c a c ph n u ã c t c;

d) C ph n u ã hoàn l i: C ph n u ã hoàn l i c Công ty hoàn l i v n góp b t c khi nào theo yêu c u c a ng i s h u ho c theo các i u ki n c ghi t i c phi u c a c ph n u ã hoàn l i. M c giá mua l i do i h i ng c ông quy t nh nh ng không c cao h n giá th tr ng và th p

h n ...% giá tr s sách trong báo cáo quý g n nh t tính n th i i m mua l i.

i u 12. Chuy n nh ng ph n v n góp/c ph n

1. i v i công ty TNHH m t thành viên:

Công ty có th chuy n nh ng m t ph n ho c toàn b v n i u l c a mình sau ba (03) n m k t ngày thành l p.

2. i v i công ty TNHH t hai thành viên tr lên/công ty c ph n:

a) Ph n v n góp/c ph n c a Công ty c t do chuy n nh ng, tr các tr ng h p b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán và quy nh t i i u l này;

b) Thành viên sáng l p/c ông sáng l p không c chuy n nh ng c ph n c a mình trong th i h n ba (03) n m k t ngày thành l p, tr tr ng h p chuy n nh ng cho thành viên sáng l p/c ông sáng l p khác trong Công ty và vi c chuy n nh ng này v n ph i m b o t l n m gi c a các thành viên sáng l p/c ông sáng l p theo quy nh c a pháp lu t hi n hành. H t th i h n trên, các h n ch i v i ph n v n góp c a thành viên sáng l p/c ph n ph thông c a c ông sáng l p c bãi b . H n ch chuy n nh ng c a thành viên sáng l p/c ông sáng l p ch áp d ng i v i ph n v n góp/s c ph n ã mua t i th i i m thành l p Công ty.

3. Giao d ch chuy n nh ng ph n v n góp/c ph n tr thành thành viên góp v n/c ông n m gi t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l ã góp c a Công ty ph i c UBCK ch p thu n, tr tr ng h p c phi u c a Công ty c niêm y t, ng ký giao d ch t i S Giao d ch ch ng khoán (i v i công ty c ph n) và chuy n nh ng theo quy t nh c a tòa án.

i u 13. Mua l i ph n v n góp/c ph n

1. Công ty ch c quy n mua l i ph n v n góp/c ph n khi áp ng y các i u ki n và t l mua l i theo quy nh c a pháp lu t.

2. Các tr ng h p mua l i ph n v n góp/c ph n:

a) Mua l i theo yêu c u c a thành viên/c ông

- Thành viên/c ông có quy n yêu c u Công ty mua l i ph n v n góp/c ph n c a mình, n u thành viên/c ông ó b phi u không tán thành i v i quy t nh c a H i ng thành viên/ i h i ng c ông v vi c t ch c l i Công ty ho c thay i quy n, ngh a v c a thành viên/c ông quy nh t i i u l công ty. Yêu c u mua l i ph n v n góp/c ph n ph i c l p b ng v n b n

và ghi tên Công ty trong thời hạn ... ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng thành viên/ Hội đồng công thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- Đối với công ty TNHH: Khi có yêu cầu của thành viên về việc mua lại phần vốn góp, nếu hai bên không thỏa thuận về giá thì Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường (hoặc theo nguyên tắc khác do Công ty quy định) trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc thanh toán chi trả sẽ tiến hành sau khi thanh toán hết phần vốn góp của yêu cầu mua lại, Công ty vẫn tiến hành thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Trường hợp Công ty không mua lại phần vốn góp, không thanh toán phần vốn góp của yêu cầu mua lại hoặc không thỏa thuận về giá mua lại theo quy định thì Hội đồng công ty, thành viên yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp.

b) Mua lại theo quy định của Công ty (đối với công ty cổ phần)

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả phần ưu đãi hoàn lại) làm cổ phiếu quỹ. Thứ nhất, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục đăng ký chứng khoán.

Điều 14. Cách thức đăng ký mua vốn mới

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể đăng ký mua vốn mới theo quy định của Hiến pháp/Hội đồng thành viên/ Hội đồng công ty nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cách thức đăng ký vốn mới của Công ty:

a) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Đăng ký vốn góp của thành viên/chủ sở hữu;
- Tiếp nhận phần vốn góp của thành viên mới.

b) Đối với công ty cổ phần:

- Phát hành cổ phiếu huy động vốn theo quy định của pháp luật;
- Chuyển nhượng trái phiếu chuyển nhượng thành cổ phiếu;
- Phát hành cổ phiếu trực tiếp, phát hành cổ phiếu thông qua.

3. Việc đăng ký vốn mới do Hội đồng thành viên/ Hội đồng công ty quy định như sau: phần bổ sung vốn pháp định sau khi đăng ký vốn theo quy định hiện hành.

M c 2

CH S H U/THÀNH VIÊN SÁNG L P/C ÔNG SÁNG L P; QUY N VÀ NGH A V C A CH S H U/THÀNH VIÊN/C ÔNG

í u 15. Thông tin v Ch s h u/thành viên sáng l p/c ông sáng l p

1. Ch s h u c a Công ty (í v i công ty TNHH m t thành viên)

a) Tên ch s h u:

b) Qu c t ch:

c) Gi y phép thành l p/Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh:

d) a ch tr s chính:

e) c i m c b n:

2. Thành viên sáng l p/c ông sáng l p (í v i công ty TNHH hai thành viên tr lên và công ty c ph n):

a) Thành viên sáng l p/c ông sáng l p là thành viên/c ông góp v n/mua c ph n, tham gia xây d ng, thông qua và ký tên vào b n í u l u tiên c a Công ty.

b) Các thông tin c b n c a thành viên sáng l p/c ông sáng l p:

- Tên:

- a ch th ng trú:

- Qu c t ch:

- S Gi y phép thành l p/Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh (í v i pháp nhân), Gi y ch ng minh nhân dân (í v i cá nhân): ... ngày c p: ... n i c p:

- Ph n v n góp và giá tr v n góp, t l góp v n c a t ng thành viên sáng l p (í v i công ty TNHH hai thành viên tr lên); S c ph n, giá tr c ph n tính theo m nh giá, t l n m gi c ph n, lo i c ph n, t ng s c ph n c quy n chào bán theo t ng lo i c ph n c a t ng c ông sáng l p (í v i công ty c ph n).

c) Các thành viên sáng l p/c ông sáng l p ph i cùng nhau n m gi c ph n/ph n v n góp t i thi u ...% v n í u l . Thành viên sáng l p/c ông sáng l p là ngân hàng, công ty b o hi m, t ch c n c ngoài theo quy nh c a pháp lu t ph i duy trì t l n m gi t i thi u...% v n í u l trong vòng ba (03) n m k t ngày thành l p.

í u 16. Quy n c a ch s h u/thành viên/c ông c a Công ty

1. Quy định của Chủ sở hữu công ty (điều lệ Công ty TNHH một thành viên)

- a) Quy định nội dung điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;
- b) Quy định chính sách phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- c) Nhiệm vụ, quyền hạn, cách thức các chức danh quản lý Công ty;
- d) Quy định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (hoặc một lần khác nếu do Công ty quy định);
- e) Quy định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- f) Thông qua hợp đồng vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (hoặc một lần khác nếu do Công ty quy định);
- g) Quy định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (hoặc một lần khác nếu do Công ty quy định);
- h) Quy định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- i) Quy định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
- j) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
- k) Quy định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- l) Quy định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
- m) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- n) Các quy định khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quy định của thành viên (điều lệ công ty TNHH hai thành viên trở lên)

- a) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận nghị quyết và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Trường hợp cá nhân là thành viên bất mại, tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tạm quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thành viên đó

Quy định cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý Công ty;

b) Có số phiếu biểu quyết bằng số phiếu của người góp;

c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác do Công ty phát hành;

d) Các chia lợi nhuận bằng số phiếu của người góp sau khi Công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

e) Các chia giá trị tài sản còn lại của Công ty bằng số phiếu của người góp khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

f) Các ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng vốn điều lệ; quy định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số phiếu của người góp theo quy định của pháp luật;

g) Những lợi ích của người góp của mình bằng cách chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho hoặc cách khác theo quy định của pháp luật;

h) Thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu trên hai mươi lăm phần trăm (25%) vốn điều lệ (hoặc một tỷ lệ khác nếu do Công ty tự quy định), có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tăng vốn điều lệ liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;

i) Trường hợp Công ty có một thành viên sở hữu trên bảy mươi lăm phần trăm (75%) vốn điều lệ (và Công ty không quy định một tỷ lệ khác nếu không theo quy định hiện hành) thì các thành viên thiểu số họp nhau lập nghị quyết quy định quy định hiện hành này;

j) Thành viên có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khi cần trách nhiệm dân sự về việc Chiết khấu Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khi cần thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự;

k) Các quy định khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Quy định các công (việc) của công ty (cấp)

a) Quy định các công việc thông thường: nội dung các phần thông tin là công việc thông thường. Công việc thông thường có các quy định sau:

(i) Quy định biểu quyết:

- Công có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của Công ty thông qua quy định quy tắc nội bộ của Công ty.

- Quy định quy tắc có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định. Đại diện của quy định có thể hành động nhân danh của Công ty để ra các quyết định nội bộ của Công ty. Công ty không nên khuyến khích Công ty tham dự của Công ty, ngay khi phi tập thể của Công ty có thể thực hiện quy định đại diện tham dự của Công ty khi có yêu cầu. Mọi cá nhân đều có thể là đại diện của Công ty, miễn là đại diện của quy định và không thu được lợi ích pháp lý có quy định nhân thân. Đại diện của quy định cho Công ty đại diện của Công ty phi tập thể thành viên của Công ty và không cần phải công chứng.

- Đại diện khuyến nghị: Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biên tập quy tắc, bao gồm biên tập quy tắc thông qua hệ thống internet, biên tập quy tắc qua internet hoặc qua điện thoại tập thể của Công ty để cho các Công ty tham gia dự của Công ty.

- Công pháp thông không có quy định quy tắc trong một số trường hợp sau:

+ Không thanh toán ngay khi mua của Công ty;

+ Công phí của Công ty;

+ Thông qua giao dịch với các bên có liên quan: nếu Công pháp thông do Công ty là đại diện có liên quan của Công ty sử dụng, Công ty không có quy định quy tắc thông qua các giao dịch của Công ty với bên liên quan mà Công ty là một bên trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích trong đó;

+ Đại diện khuyến nghị: Công pháp có thể do vì phạm các quy định về mua của Công ty trong các giao dịch của Công ty kiểm soát, vì phạm các quy định về mua của Công ty công khai;

+ Đại diện khuyến nghị: Công pháp do Công ty con nắm giữ: khi một Công ty con trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ Công pháp của Công ty;

+ Đại diện khuyến nghị: Khi đại diện của Công ty quy định các vấn đề như ủy quyền, giám đốc các ngành và các Công ty khác; khi xin học hoặc ủy quyền tập thể của Công ty: Công ty liên quan không có quy định quy tắc quy định các vấn đề này.

- Đại diện khuyến nghị: Bất kỳ thay đổi nào về quy định quy tắc phi tập thể của Công ty sử dụng Công pháp nhân thân của Công ty thay đổi

ó bị u quy t thông qua.

(ii) Quy n yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông:

- Trong tr ng h p ngh quy t c a i h i ng c ông vi ph m pháp lu t ho c vi ph m nh ng quy n l i c b n c a c ông, c ông có quy n ngh Công ty không th c hi n các ngh quy t ó theo trình t , th t c pháp lu t quy nh.

- Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông có quy n yêu c u Tòa án ho c Tr ng tài xem xét, h y b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

+ Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;

+ Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l công ty.

(iii) Quy n c nh n các thông tin v Công ty và quy n xem xét, tra c u danh sách c ông; yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty:

- T t c c ông c a Công ty u có quy n xem xét, tra c u và trích l c các thông tin trong danh sách c ông có quy n bị u quy t và yêu c u s a i thông tin không chính xác; xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l công ty, s biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông.

- Ch có nhóm c ông s h u t m i ph n tr m (10%) tr lên t ng s c ph n ph thông (ho c m t t l khác nh h n do Công ty quy nh) c quy n xem xét và trích l c s biên b n h p và các ngh quy t c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính gi a niên và hàng n m, các báo cáo c a Ban Ki m soát và yêu c u Ban Ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t.

- Tr ng h p c phi u c a Công ty niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán, c ông có quy n c thông báo y thông tin nh k và b t th ng v ho t ng c a Công ty theo quy ch qu n tr áp d ng cho công ty niêm y t.

- i u kho n khuy n ngh : C ông ph i tuân th quy nh n i b c a Công ty v th t c cung c p thông tin và tài li u nh sau: Công ty cung c p tài li u cho c ông ki m tra t i tr s trong vòng ... ngày làm vi c, k t ngày nh n c yêu c u t c ông. C ông ph i thanh toán cho Công ty chi phí sao ch p

tài liệu.

(iv) Quy định do chuyển nhượng cổ phần:

Trừ các trường hợp bất khả chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty hoặc theo quy định của Hội đồng, công ty phải thông có quy định do chuyển nhượng cổ phần của mình tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ mức giá nào mà không cần có sự chấp thuận của các quan quản lý, Công ty hoặc các công đồng khác.

(v) Quy định ưu tiên mua chứng khoán:

- Công ty có quy định ưu tiên mua cổ phần mới chào bán hoặc chứng khoán chuyển nhượng khi Công ty chào bán cho bên thứ ba. Quy định ưu tiên mua tương ứng với các phần thông mà công đồng sáng lập, trường hợp Hội đồng có quy định khác.

- Công ty có quy định chuyển nhượng ưu tiên mua chứng khoán của mình cho người khác hoặc có thể thể hiện toàn bộ hoặc một phần quy định ưu tiên mua chứng khoán.

(vi) Quy định yêu cầu Công ty mua lại cổ phần:

- Công ty có quy định yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình nếu công đồng bị quy định phải hoặc tự nguyện quy định của Hội đồng và các vấn đề: thay đổi quy định, nghĩa vụ của công đồng quy định tại Điều lệ công ty hoặc tại Công ty.

- Yêu cầu mua lại cổ phần phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của công đồng, số lượng loại cổ phần mà công đồng nắm giữ, giá đề nghị bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng thông qua quy định về các vấn đề nêu trên.

- Hội đồng quản trị xác định mức giá mua lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận về giá thì công đồng có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu mua lại cổ phần giá chuyên nghiệp giá. Công ty gửi thi u ít nhất ba (03) tổ chức chuyên nghiệp công đồng lựa chọn. Quy định của tổ chức chuyên nghiệp là quy định cuối cùng.

- Thứ tự mua lại cổ phần thể hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(vii) Quy định nhận tài sản khi thanh lý Công ty:

- Nếu Công ty giải thể hoặc phá sản, công đồng có quyền nhận phần

phần tài sản còn lại tiếp tục góp vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán đầy đủ cho các chủ nợ.

- Thủ tục thanh toán các khoản nợ và phân chia tài sản còn lại cho các công ty con hiện theo quy định của pháp luật.

(viii) Quy định khi kiện nhân danh Công ty:

- Công ty có quy định yêu cầu tòa án hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị nếu trái với quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty có nhóm công suất mua sắm (1%) trở lên tiếp tục thông báo trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quy định yêu cầu Ban Kiểm soát khi kiện trách nhiệm dân sự của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong các trường hợp sau:

+ Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) không thực hiện đúng các quy định và nhiệm vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, nội bộ công ty hoặc quy định của Hội đồng;

+ Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) sử dụng thông tin, bí quyết, danh tiếng kinh doanh của Công ty, lợi danh của mình, chức vụ và tài sản của Công ty để lợi dụng hoặc trục lợi cá nhân khác;

+ Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

- Trường hợp Ban Kiểm soát không kiện theo yêu cầu thì công ty có nhóm công suất yêu cầu kiện có quy định chi phí kiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc). Trình tự, thủ tục kiện thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

(ix) Quy định về chi phí:

Mức chi phí tố tụng, hình thức tố tụng cho công ty do Hội đồng quản trị quy định nhưng mức chi phí tố tụng không quá cao hơn mức mà Hội đồng quản trị kiến nghị.

(x) Quy định ưu tiên chi phí:

Công ty có nhóm công suất mua sắm (5%) tiếp tục thông báo trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục (hàng năm tiếp theo, thời hạn năm tiếp theo khác do Công ty tự quy định) có quy định ưu tiên chi phí công ty trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị phê duyệt quy định các công, ngh và các nghiệp vụ quản lý hồ sơ quy trình và quá trình quy định giao.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 6 tháng mà chưa bầu cử Hội đồng quản trị mới thay thế.

- Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

(xi) Quy định gửi vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Công hoc nhóm công có quy định gửi vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.

(xii) Các quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

b) Quy định các công sự hợp pháp ưu đãi quy định:

- Ưu tiên quy định các vấn đề thu nhập quy định các chi phí công và chi phí ưu tiên quy định theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

- Các quy định khác như công pháp thông, ngoại lệ quy định chuyên nghiệp hợp pháp ưu đãi quy định cho người khác.

c) Quy định các công sự hợp pháp ưu tiên:

- Nhận xét theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

- Trường hợp Công ty ghi nhận hồ sơ pháp định, công nhân làm nhiệm vụ tài sản còn lại trong công việc hợp pháp góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và hợp pháp ưu tiên hoàn lại.

- Các quy định khác như công pháp thông, quy định ưu tiên quy định, quy định hợp pháp ưu tiên công, quy định gửi vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

d) Quy định các công sự hợp pháp ưu tiên hoàn lại:

- Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

- Khi Công ty ghi nhận hồ sơ pháp định, công nhân làm nhiệm vụ tài sản còn lại trong công việc hợp pháp góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ.

- Các quy định khác như công pháp thông, quy định ưu tiên quy định, quy định hợp pháp ưu tiên công, quy định gửi vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 17. Nghĩa vụ của Chủ tịch/Thành viên/Công

1. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu (đối với công ty TNHH một thành viên)
 - a) Góp vốn, ứng hiện và ứng hiện nữa cam kết;
 - b) Tuân thủ nội quy công ty và các quy định của pháp luật;
 - c) Phi xác nhận và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty;
 - d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng, giao dịch trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;
 - e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - f) Các nghĩa vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
2. Nghĩa vụ của thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên)
 - a) Góp , ứng hiện và ứng hiện nữa cam kết góp và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn ứng hiện nữa cam kết góp;
 - b) Tuân thủ nội quy công ty và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - c) Chấp hành quy định của Hội đồng thành viên;
 - d) Thành viên sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn ứng hiện của Công ty thì thành viên đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) số phần vốn góp của một công ty chuyên ngành khác; không được lợi dụng thực lực của mình gây thiệt hại quyền và lợi ích của Công ty và các thành viên khác. Ngược lại, phải thông báo ý kiến, kết quả cho Công ty trong một sự trình bày hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - f) Nghĩa vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Nghĩa vụ của cổ đông (đối với công ty cổ phần)
 - a) Thanh toán ý kiến, ứng hiện và ứng hiện nữa cam kết ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn ứng hiện nữa góp vào Công ty. Không được rút vốn ứng hiện nữa góp ra khỏi Công ty dưới hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn ứng hiện nữa góp trái với quy định thì khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người

đi đn theo pháp luật của Công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác của Công ty trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút;

b) Tuân th i u l và Quy ch qu n lý n i b c a Công ty;

c) Ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông;

d) C ông s h u t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l c a Công ty thì c ông ó và ng i có liên quan không c s h u trên n m ph n tr m (5%) c ph n ho c ph n v n góp c a m t công ty ch ng khoán khác. Không c l i đ ng u th c a mình gây t n h i n quy n và l i ích c a Công ty và các c ông khác.

e) Các ngh a v khác:

- Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n và th c hi n các ngh a v khác theo quy nh c a pháp luật hi n hành;

- C ông l n ph i thông báo y , k p th i cho Công ty và th c hi n ngh a v công b thông tin theo quy nh c a pháp luật v ch ng khoán;

- Ngh a v khác do Công ty t quy nh phù h p v i pháp luật hi n hành.

i u 18. S ng ký thành viên/s ng ký c ông

1. Công ty ph i l p và l u gi s ng ký thành viên/s ng ký c ông t khi c c p Gi y phép thành l p và ho t ng.

2. S ng ký thành viên/s ng ký c ông ph i có các n i dung ch y u theo quy nh c a Luật Doanh nghi p.

3. Hình th c c a s ng ký thành viên/s ng ký c ông: v n b n, t p đ li u i n t ho c c hai lo i này (do Công ty quy t nh).

4. S ng ký thành viên/s ng ký c ông c l u gi t i tr s chính c a Công ty (riêng i v i S ng ký c ông có th c l u gi t i c Trung tâm L u ký Ch ng khoán Vi t Nam).

5. Ch t ch H i ng thành viên/H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m trong vi c xác nh n ng ký ph n v n góp/c ph n cho thành viên/c ông m t cách y , k p th i. ng th i, ch u trách nhi m l u gi s ng ký và m b o tính chính xác c a s ng ký, tránh m i t n h i gây ra cho thành viên/c ông ho c bên th ba do ngh a v nói trên không c th c hi n. Tr ng h p có s khác bi t gi a đ li u trên s ng ký l u gi t i Công ty v i đ li u ng ký t i Trung tâm L u ký Ch ng khoán thì đ li u do Trung tâm L u ký Ch ng khoán l u tr s có hi u l c.

6. Quy định khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 19. Chế độ đăng ký nhãn hiệu (quy định về công ty cổ phần)

1. Công ty cổ phần đăng ký hoặc không đăng ký nhãn hiệu để phân biệt sản phẩm và lợi ích sản phẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 điều này.

2. Chế độ đăng ký nhãn hiệu phải có đủ các Công ty và chủ ký của Người đi đăng theo pháp luật của Công ty. Chế độ đăng ký nhãn hiệu phải ghi rõ số lượng và lợi ích nhãn hiệu mà công nhận, họ tên người nhận (nếu là nhãn hiệu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chế độ đăng ký nhãn hiệu ghi danh chỉ đi đăng cho một lợi ích sản phẩm.

3. Trong thời hạn ... ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu sản phẩm theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán ý định mua sản phẩm theo phương án phát hành nhãn hiệu của Công ty, người sở hữu sản phẩm sản phẩm đăng ký nhãn hiệu mà không phải trả cho Công ty bất kỳ một khoản phí nào.

4. Trường hợp chuyển nhượng một phần trong số sản phẩm ghi danh trong một chế độ đăng ký nhãn hiệu ghi danh, chế độ đăng ký nhãn hiệu và chế độ đăng ký nhãn hiệu ghi danh sản phẩm còn lại của Công ty miễn phí.

5. Trường hợp chế độ đăng ký nhãn hiệu ghi danh bị tẩy xóa, hủy hoặc mất, người sở hữu nhãn hiệu ghi danh có thể yêu cầu Công ty cấp lại chế độ đăng ký nhãn hiệu nếu sẵn sàng thanh toán mọi chi phí liên quan.

6. Người sở hữu chế độ đăng ký nhãn hiệu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bảo quản chế độ đăng ký. Công ty không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chế độ đăng ký nhãn hiệu bị mất hoặc bị sử dụng vì mục đích khác.

7. Công ty có thể phát hành sản phẩm ghi danh không theo hình thức chế độ đăng ký. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các sản phẩm ghi danh (theo hình thức chế độ đăng ký hoặc không chế độ đăng ký) chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về kế toán và thuế kế toán và thuế thu nhập cá nhân.

Chương III
QUY ĐỊNH, NỘI DUNG HÀNH CÔNG TY
Mục 1

QUY ĐỊNH, NỘI DUNG HÀNH CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 20. Ban máy quản trị nội hành của Công ty

1. Hội đồng.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc).
4. Ban Kiểm soát.

I. Hội đồng

Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng

1. Hội đồng giám đốc các công ty có quy định quy tắc, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng
 - a) Thông qua những phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần quy định chào bán công khai;
 - c) Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của công khai cổ phần (nếu Công ty có quy định khác);
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Quyết định mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ...% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f) Quyết định việc tăng, giảm vốn của Công ty;
 - g) Quyết định sáp nhập, bổ sung vào công ty, trả nợ hợp pháp của công ty do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần quy định chào bán theo quy định của pháp luật này;
 - h) Quyết định mua lại trên ...% tổng số cổ phần đã bán của công ty (lưu ý: nếu công ty thông qua quyết định mua lại không quá 10%);
 - i) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - j) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

gây thi th h i cho Công ty và c ông c a Công ty;

k) Quy t nh t ch c l i và gi i th Công ty;

l) Các quy n và nhi m v khác do Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

i u 22. Các i di n c u quy n

1. C ông là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo u quy n th c hi n các quy n c ông c a mình theo quy nh c a pháp lu t. T ch c là c ông có s h u ít nh t m i ph n tr m (10%) t ng s c ph n ph thông có quy n y quy n t i a ba (03) ng i tham d h p i h i ng c ông.

2. Tr ng h p c ông c h n m t (01) ng i i di n theo y quy n thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

3. Vi c c , ch m d t ho c thay i ng i i di n theo u quy n u ph i thông báo b ng v n b n n Công ty. N i dung và th i h n thông báo th c hi n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

i u 23. Tri u t p h p i h i ng c ông

1. S l ng, th i gian, cách th c t ch c, a i m h p:

a) i h i ng c ông h p th ng niên ít nh t m i n m m t (01) l n ho c h p b t th ng. a i m h p i h i ng c ông ph i trên lãnh th Vi t Nam.

b) Cu c h p i h i ng c ông th ng niên c t ch c trong th i h n b n (04) tháng (ho c do Công ty quy nh nh ng t i a là 04 tháng) k t ngày k t thúc n m tài chính. Tr ng h p không t ch c c theo th i h n nêu trên, Công ty ph i báo cáo UBCK và t ch c h p i h i ng c ông th ng niên trong th i h n hai (02) tháng t p theo.

2. Th m quy n tri u t p h p i h i ng c ông:

H i ng qu n tr có trách nhi m tri u t p h p i h i ng c ông. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông nh quy nh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ph i b i th ng thi th i phát sinh i v i Công ty.

3. Các tr ng h p ph i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng:

a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;

b) S thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của công hoc nhóm công quy định tại (x) của khoản 3 điều 16 của luật này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp triệu tập Hội đồng bất thường thực hiện theo quy định của pháp luật. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng bất thường thì Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng theo quy định thì Trường hợp Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bị thanh lý thì thì phát sinh lợi ích Công ty, đồng thời công hoc nhóm công quy định tại (x) của khoản 3 điều 16 của luật này có quyền triệu tập họp Hội đồng.

điều 24. Chương trình và nội dung họp Hội đồng

1. Hội đồng công thường niên thường tổ chức và thông qua các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính năm;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh Công ty;

c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);

d) Mục chỉ trích các lợi ích liên quan;

e) Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

f) Các vấn đề khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Ngày triệu tập họp Hội đồng phải thực hiện như sau đây:

a) Lập danh sách công có quyền dự họp Hội đồng công khi có quy định triệu tập họp và lập xong chứng nhận... ngày trước ngày khai mạc họp Hội đồng công. Cung cấp thông tin và ghi ý quyết định liên quan danh sách công;

b) Lập kế hoạch trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan nội dung cuộc họp;

c) Xác nhận thời gian và địa điểm cuộc họp;

d) Gửi thông báo mời họp cho tất cả các công đồng có quy định. Thông báo phải ghi rõ nội dung công việc phải bao gồm chương trình họp và các thông tin về địa điểm, các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tất cả các công đồng.

3. Công đồng nhóm công đồng quy định tại điểm (x) của khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quy định xuất các vấn đề vào chương trình họp mời công đồng. Xuất phát từ việc làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc mời công đồng. Nguyên tắc họp mời công đồng có quy định như sau: xuất này trong các trường hợp sau:

a) Xuất phát từ việc không đúng thời hạn;

b) Công đồng và nhóm công đồng không nắm giữ số phần trăm thông qua quy định tại điểm (x) của khoản 3 Điều 16 Điều lệ này;

c) Văn bản, nội dung xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của mời công đồng.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp mời công đồng

1. Cuộc họp mời công đồng tiến hành khi có số công đồng họp ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phần trăm có quy định biểu quyết (tổng thể do Công ty quy định).

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì các nguyên tắc họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ nhất. Cuộc họp của mời công đồng triệu tập lần thứ hai tiến hành khi có số công đồng họp ít nhất tám mươi mốt phần trăm (51%) tổng số phần trăm có quy định biểu quyết (tổng thể do Công ty quy định).

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì các nguyên tắc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của mời công đồng tiến hành không phải thu vào số công đồng họp và tổng số phần trăm có quy định biểu quyết của các công đồng họp.

4. Công đồng có thể tham dự mời công đồng theo một trong các hình

thực sau đây:

- a) Trực tiếp tham dự họp hội đồng;
- b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư hoặc qua Hội đồng quản trị công ty (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của hội đồng có quyền miễn phiếu biểu quyết của ông nếu cần họp hội đồng;
- c) Ủy quyền cho người khác dự họp hội đồng. Trường hợp công ông là thành viên không có nghĩa vụ đi theo ủy quyền theo quy định khoản 3 điều 96 của Luật Doanh nghiệp và điều 22 của Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp hội đồng.

Điều 26. Thực hiện hành pháp hội đồng

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành ký văn bản họp hội đồng cho công ông, bổm văn ký ủy các công ông có quyền dự họp. Người ký dự họp sẽ chấp thuận biểu quyết theo quy định của văn bản biểu quyết trong chương trình họp.
2. Chương trình và nội dung họp phải được hội đồng thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian diễn ra trong nội dung chương trình.
3. Hội đồng thông qua luận và biểu quyết theo quy định trong nội dung chương trình. Văn bản biểu quyết thực hiện bằng cách thu thập biểu quyết tán thành hay quy t, sau đó thu thập biểu quyết không tán thành, cùng kiểm phiếu tổng hợp phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kiểm phiếu của Chủ tịch công ông ngay trước khi bắt đầu cuộc họp.
4. Công ông hoặc người ủy quyền dự họp sau khi cuộc họp đã khai mạc sẽ ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi ký xong. Chủ tịch không có quyền dự họp nếu người này vắng mặt. Trong trường hợp này, hội đồng sẽ chấp thuận biểu quyết đã tiến hành trước đó không bắt buộc.
5. Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp hội đồng quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tịch các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời không làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tịch của

h p. Tr ờng h p không có ng ười có th ể làm Ch ết a thì thành viên H ội ớng qu ản tr ị có ch ức v ị cao nh ất i u khi n ếu i h ội ớng c ồng b u Ch ết a cu ộc h p trong s ố nh ững ng ười đ ể h p và ng ười có s ố phi u b u cao nh ất s ẽ làm Ch ết a cu ộc h p. Trong các tr ờng h p khác, ng ười ký tên tri ết p h p i h ội ớng c ồng i u khi n ếu i h ội ớng c ồng b u Ch ết a cu ộc h p và ng ười có s ố phi u b u cao nh ất làm Ch ết a cu ộc h p;

b) Ch ết a c ảm t ưởng i làm Th ết ký, l ập biên b ản h p i h ội ớng c ồng;

c) i h ội ớng c ồng b u Ban ki ếm phi u (g ồm 03 ng ười) theo ngh ị a Ch ết a cu ộc h p.

6. Ch ết a và Th ết ký c ả cu ộc h p i h ội ớng c ồng có quy ết ết hi ết các bi ết pháp c ết thi ết i u khi n ếu cu ộc h p m ết cách h p lý, có tr ết t ết , úng theo ch ết ết trình ã ết thông qua và ph ết ánh ết mong mu ết c ả a s ố ng ười đ ể h p.

7. Ng ười tri ết p h p i h ội ớng c ồng có quy ết sau:

a) Y ết c ết t ết c ết ng ười đ ể h p ki ếm tra an ninh ho ộc ph ết t ết ết các bi ết pháp an ninh khác;

b) Y ết c ết c ết quan có th ể m ết quy ết duy trì tr ết t ết cu ộc h p; tr ết xu ết nh ững ng ười không tu ết th ết quy ết i u hành c ả Ch ết a, c ết ý gây r ết tr ết t ết , ng ết n ết n ết t ết trình bình th ết ng ết a cu ộc h p ho ộc không tu ết th ết các y ết c ết u ết v ết ki ếm tra an ninh ra kh ết i cu ộc h p i h ội ớng c ồng.

8. Ch ết a có quy ết hoãn cu ộc h p i h ội ớng c ồng ã có s ố ng ười ết ký đ ể h p theo quy ết nh ết n ết m ết th ết i ết m ết khác (th ết i ết gian hoãn t ết i ết a không quá ba (03) ngày k ết t ết ngày đ ết nh ết khai m ết c ết cu ộc h p) ho ộc thay ết i ết a i ết m ết h p trong tr ết ết các tr ết ết h p sau ã y:

a) a i ết m ết h p không có ch ết ng ết i ết thu ết n ết t ết cho t ết t ết c ết ng ười đ ể h p;

b) Có ng ười đ ể h p có hành v ết c ết n ết tr ết , gây r ết tr ết t ết , gây nguy ết c ết làm cho cu ộc h p không ết t ết i ết n ết hành m ết t ết cách công b ết ng ết và h p pháp;

c) Tr ết ết h p i h ội ớng c ồng b ết hoãn ho ộc t ết m ết đ ết ng ết trái v ết i ết quy ết nh ết nêu t ết i ết m ết a, b kho ết n ết này, i h ội ớng c ồng b ết u ết m ết t ết ng ười trong s ố nh ững ng ười đ ể h p thay ết th ết Ch ết a i u hành cu ộc h p. H ết i ết u ết l ết c ết c ết a các bi ết u ết quy ết t ết t ết i ết cu ộc h p không b ết nh ết h ết ng ết b ết i ết s ết ki ết n ết này.

i u 27. B u đ ết n phi u

1. Tr c và trong cu c h p i h i ng c ông, các c ông có quy n cùng nhau l p nhóm c và đ n phi u b u cho ng i h c .

2. S l ng ng c viên mà m i nhóm có quy n c ph thu c vào s l ng ng c viên do i h i quy t nh và t l s h u c ph n c a m i nhóm, c th nh sau:

a) C ông ho c nhóm c ông s h u t ...% n d i ...% trên t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c t i a m t (01) ng c viên vào H i ng qu n tr và ... ng c viên vào Ban Ki m soát;

b) C ông ho c nhóm c ông s h u t ...% n d i ...% trên t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c t i a hai (02) ng c viên H i ng qu n tr /Ban Ki m soát;

c) C ông ho c nhóm c ông s h u t ...% n d i ...% trên t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c t i a ba (03) ng c viên H i ng qu n tr và ... ng c viên vào Ban Ki m soát;

d) C ông ho c nhóm c ông s h u t ...% n d i ...% trên t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c t i a b n (04) ng viên H i ng qu n tr và ... ng c viên vào Ban Ki m soát;

e) C ông ho c nhóm c ông s h u t ...% n d i ...% trên t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c t i a n m (05) ng viên H i ng qu n tr và ... ng c viên vào Ban Ki m soát;

f) C ông ho c nhóm c ông s h u t ...% tr lên trên t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c s ng c viên H i ng qu n tr và Ban Ki m soát.

3. Tr ng h p s l ng ng c viên c c ông, nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c , s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr ho c Ban Ki m soát ho c các c ông khác c .

4. Ng i trúng c thành viên H i ng qu n tr ho c thành viên Ban Ki m soát c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i i u l này. Tr ng h p có t hai (02) ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ng qu n tr ho c Ban Ki m soát thì i h i ng c ông s ti n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí c a quy ch b u c ho c i u l công ty.

Điểm 28. Thông qua quy định của Hội đồng

1. Hội đồng thông qua các quy định thu nhập quy định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp chuyên ý kiến bằng văn bản.

2. Quy định của Hội đồng thông qua tại cuộc họp khi có sự đồng ý của ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết tại cuộc họp chuyên ý kiến. Trong các quy định về lợi ích cá nhân và số lượng phần trăm quy định chào bán các tài sản; sáp nhập, bổ sung hoặc công ty; tách rời, giải thể công ty; bán trên danh sách phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải có sự đồng ý của ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết tại cuộc họp chuyên ý kiến tham dự cuộc họp chuyên ý kiến.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bỏ phiếu, theo đó mỗi đồng cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương đương với tổng số phần trăm vốn thành viên có của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Công cổ đông quy định như trên tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc nhiều thành viên.

4. Các quy định thông qua tại cuộc họp Hội đồng thông qua và sự đồng ý của tất cả và sự quy định tham dự của ít nhất một trăm phần trăm (100%) tổng số phần trăm có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày và thực hiện đúng, nội dung chính xác trình bày và thực hiện đúng hành pháp không có sự cản trở pháp lý.

5. Trường hợp cuộc họp là nghị quyết có liên quan, không có quyền biểu quyết thì nghị quyết của Hội đồng vẫn có hiệu lực thông qua khi có ít nhất...% tổng số phiếu biểu quyết thông qua, tương đương theo quy định tại các điều khoản và khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.

6. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của đồng bằng văn bản bất cứ lúc nào thông qua quy định của Hội đồng thông qua để xem xét thực hiện thì vì lợi ích của Công ty. Nội dung phải lấy ý kiến, cách thức, thời gian, nhân viên, kỹ thuật, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 105 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quy định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quy định của Hội đồng thông qua phải có sự đồng ý của ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết chuyên ý kiến (tuyệt đối do Công ty quy định).

7. Quy định của Hội đồng phải được thông báo trước công cổ đông có quyền họp Hội đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày,

k t ngày quy t nh c thông qua.

i u 29. Hi u l c quy t nh c a i h i ng c ông

1. Quy t nh c a i h i ng c ông có hi u l c thi hành k t ngày thông qua ngh quy t ho c t ngày có hi u l c c ghi rõ trong ngh quy t (ho c do Công ty t quy nh).

2. Tr ng h p quy t nh ã c thông qua c a i h i ng c ông b c ông, nhóm c ông, thành viên H i ng qu n tr yêu c u kh i ki n ho c tr c ti p kh i ki n thì quy t nh này v n ti p t c c thi hành cho n khi Tòa án ho c Tr ng tài có quy t nh khác.

i u 30. Biên b n h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông ph i c l p biên b n v i y n i dung theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p. Biên b n c vi t b ng ti ng Vi t, có th c b ng ti ng n c ngoài và có hi u l c pháp lý nh nhau.

2. Biên b n h p i h i ng c ông ph i làm xong và thông qua tr c khi b m c cu c h p.

3. Ch t a và th ký cu c h p ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n. Biên b n h p i h i ng c ông ph i c g i n t t c c ông trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày b m c cu c h p.

4. Biên b n h p i h i ng c ông, ph l c danh sách c ông ng ký d h p, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và các tài li u có liên quan g i kèm theo thông báo m i h p ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

II. H i ng qu n tr

i u 31. Th m quy n c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr là c quan qu n lý c a Công ty, có toàn quy n nhân danh Công ty quy t nh th c hi n các quy n và ngh a v c a Công ty không thu c th m quy n c a i h i ng c ông. H i ng qu n tr ch u trách nhi m m b o ho t ng c a Công ty tuân th các quy nh pháp lu t, i u l và các quy nh n i b c a Công ty, i x bình ng i v i t t c c ông và tôn tr ng l i ích c a ng i có quy n l i liên quan n Công ty.

2. Nhi m v và quy n h n c a H i ng qu n tr :

a) Quy t ̃nh chi ̃n l ̃c, k ̃ ho ̃ch phát tri ̃n trung h ̃n và k ̃ ho ̃ch kinh doanh hàng n ̃m c ̃a Công ty;

b) Ki ̃n ngh ̃ lo ̃i c ̃ ph ̃n và t ̃ng s ̃c ph ̃n c ̃ quy ̃n chào bán c ̃a t ̃ng lo ̃i;

c) Quy t ̃nh chào bán c ̃ ph ̃n m ̃i trong ph ̃m vi s ̃c ph ̃n c ̃ quy ̃n chào bán c ̃a t ̃ng lo ̃i; quy t ̃nh huy ̃ng thêm v ̃n theo hình th ̃c khác;

d) Quy t ̃nh giá chào bán c ̃ ph ̃n và trái phi ̃u c ̃a Công ty;

e) Quy t ̃nh mua l ̃i không quá m ̃i ph ̃n tr ̃m (10%) t ̃ng s ̃c ph ̃n ̃ã phát hành c ̃a t ̃ng lo ̃i trong m ̃i m ̃i hai (12) tháng; quy t ̃nh ph ̃ng ̃n chào bán, chia th ̃ng c ̃ phi ̃u qu ̃ theo nh ̃ng cách th ̃c phù h ̃p v ̃i quy ̃nh c ̃a pháp lu ̃t;

f) Quy t ̃nh ph ̃ng ̃n ̃u t ̃ và d ̃ ̃n ̃u t ̃ trong th ̃m quy ̃n và gi ̃i h ̃n theo quy ̃nh c ̃a Lu ̃t Doanh nghi ̃p, Lu ̃t Ch ̃ng khoán và ̃i u ̃ l ̃ công ty;

g) Quy t ̃nh gi ̃i pháp phát tri ̃n th ̃ tr ̃ng, ti ̃p th ̃ và công ngh ̃; thông qua h ̃p ̃ng mua, bán, cho vay và h ̃p ̃ng khác có giá tr ̃ b ̃ng ho ̃c l ̃n h ̃n n ̃m m ̃i ph ̃n tr ̃m (50%) t ̃ng giá tr ̃ tài s ̃n c ̃ ghi trong báo cáo tài chính g ̃n nh ̃ t ̃c ̃a Công ty (ho ̃c t ̃ l ̃ khác do Công ty quy ̃nh), tr ̃ h ̃p ̃ng, giao d ̃ch c ̃a Công ty v ̃i ng ̃ ̃i có liên quan;

h) B ̃nhi m, m ̃i n ̃nhi m, cách ch ̃c, ký h ̃p ̃ng, ch ̃m d ̃t h ̃p ̃ng ̃i v ̃i Giám ̃c (T ̃ng Giám ̃c) và ng ̃ ̃i qu ̃n lý quan tr ̃ng c ̃a Công ty, quy t ̃nh m ̃c l ̃ng và l ̃i ích khác c ̃a các cán b ̃ qu ̃n lý ó; c ̃ng ̃i ̃i di ̃n theo u ̃ quy ̃n th ̃c hi ̃n quy ̃n s ̃ h ̃u c ̃ ph ̃n ho ̃c ph ̃n v ̃n góp ̃ công ty khác, quy t ̃nh m ̃c thù lao và l ̃i ích khác c ̃a nh ̃ng ng ̃ ̃i ̃i di ̃n theo y ̃ quy ̃n;

i) Giám sát, ch ̃ o Giám ̃c (T ̃ng Giám ̃c) và ng ̃ ̃i qu ̃n lý c ̃a Công ty trong ̃i u ̃ hành công vi ̃c kinh doanh hàng ngày;

j) Quy t ̃nh c ̃c ̃u t ̃ ch ̃c, quy ch ̃ qu ̃n lý n ̃i b ̃, quy t ̃nh thành l ̃p công ty con, chi nhánh, phòng giao d ̃ch, v ̃n phòng ̃i di ̃n và góp v ̃n, mua c ̃ ph ̃n doanh nghi ̃p khác trong gi ̃i h ̃n quy ̃nh c ̃a pháp lu ̃t và ̃i u ̃ l ̃ công ty;

k) Duy t ̃ch ̃ng trình, n ̃i dung tài li ̃u ph ̃c v ̃ h ̃p ̃i h ̃i ̃ng c ̃ ông, tri ̃u t ̃p h ̃p ̃i h ̃i ̃ng c ̃ ông ho ̃c l ̃y ý ki ̃n ̃i h ̃i ̃ng c ̃ ông thông qua quy t ̃nh;

l) Trình báo cáo quy t toán tài chính hàng n m, báo cáo ho t ng c a H i ng qu n tr lên i h i ng c ông;

m) Ki n ngh m c tr c t c, quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý các kho n l phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n) Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th ho c yêu c u phá s n Công ty;

o) Thi t l p m t quy trình chu n v tri u t p h p, b phi u và bi u quy t t i cu c h p H i ng qu n tr i h i ng c ông thông qua; trình t , th t c c , ng c , b u, mi n nhi m và bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr ; xây d ng các quy nh v trình t , th t c l a ch n, b nhi m, mi n nhi m cán b qu n lý và quy trình th t c ph i h p ho t ng gi a H i ng qu n tr v i Ban Ki m soát và Ban Giám c (Ban T ng Giám c); xây d ng c ch ánh giá ho t ng, khen th ng và k lu t i v i thành viên H i ng qu n tr , Ban Giám c (Ban T ng Giám c) và các cán b qu n lý khác;

p) Thi t l p các b ph n ho c c ng i th c hi n nhi m v ki m soát n i b và qu n tr r i ro nh m quy nh chính sách chi n l c qu n lý r i ro trong ho t ng c a Công ty và ki m tra, ánh giá v s phù h p, hi u qu c a h th ng qu n tr r i ro ã c thi t l p trong Công ty;

q) Gi i quy t xung t trong Công ty: Th c hi n ng n ng a và gi i quy t nh ng xung t có th phát sinh gi a các c ông và Công ty. H i ng qu n tr có th b nhi m cán b tri n khai các h th ng c n thi t ho c thành l p b ph n chuyên trách gi i quy t xung t trong Công ty ho c ph c v cho m c ích này;

r) i u kho n khuy n ngh : Phê chu n các giao d ch n m ngoài ph m vi k ho ch kinh doanh và tài chính do Giám c (T ng Giám c) và Ban Giám c (Ban T ng Giám c) trình (n u có);

s) i u kho n khuy n ngh : H i ng qu n tr có quy n ph quy t quy t nh c a Giám c (T ng Giám c) và Ban Giám c (Ban T ng Giám c) trong vi c t i n hành b t k m t ho t ng quy chu n nào, v i i u ki n ph quy t ó là có c s ;

t) i u kho n khuy n ngh : H i ng qu n tr ph i l p t c thông báo cho c ông trong nh ng tr ng h p sau ây:

- Công ty ho c Ban lãnh o c a Công ty b nghi ng có liên quan n các ho t ng phi pháp.

- Tình tr ng tài chính c a Công ty ti p t c suy gi m và không áp ng c các i u ki n theo quy nh c a pháp lu t.

- Công ty kinh doanh bù thua lỗ ...% trên vốn chủ sở hữu.
- Công ty xuất thay vì Chiết khấu hàng quản trị, Trưởng ban kiểm soát.
- Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.

u) Các nhiệm vụ và quy định khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị thông qua quy định về bổ nhiệm ủy viên quy định cụ thể, lý do bổ nhiệm và nhiệm vụ (hoặc hình thức khác do Công ty quy định). Mọi thành viên Hội đồng quản trị có mặt phải ủy quyền.

4. Hội đồng quản trị có thẩm quyền cho Chiết khấu Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quy định và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không thực hiện chức năng. Nội dung ủy quyền phải xác định rõ ràng, cụ thể. Việc ủy quyền và trả lời, liên quan đến lợi ích sẵn có của Công ty thì không có quy định cho Chiết khấu Hội đồng quản trị quy định.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nội bộ công ty và quy định của Hội đồng. Trong trường hợp quy định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nội bộ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quy định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi đắp thiệt hại cho Công ty; thành viên phải thông qua quy định nói trên để miễn trừ trách nhiệm.

6. Trường hợp các nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và nội bộ công ty, các công đồng hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quy định có liên quan.

7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Quyền cung cấp thông tin:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

+ Ng i qu n lý c yêu c u ph i cung c p k p th i, y và chính xác các thông tin, tài li u theo yêu c u c a thành viên H i ng qu n tr .

- Quy n c nh n thù lao và l i ích khác: Công ty có quy n tr thù lao, ti n l ng cho thành viên H i ng qu n tr theo k t qu và hi u qu kinh doanh. Thù lao, ti n l ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr c tr theo quy nh sau ây (ho c theo quy nh khác c a Công ty):

+ Thành viên H i ng qu n tr c h ng thù lao công vi c và ti n th ng. Thù lao công vi c c tính theo s ngày công c n thi t hoàn thành nhi m v c a thành viên H i ng qu n tr và m c thù lao m i ngày. H i ng qu n tr đ tính m c thù lao cho t ng thành viên theo nguyên t c nh t trí. T ng m c thù lao c a H i ng qu n tr do i h i ng c ông quy t nh t i cu c h p th ng niên;

+ Thành viên H i ng qu n tr có quy n c thanh toán các chi phí n, , i l i và chi phí h p lý khác mà h chi tr khi th c hi n nhi m v c giao;

+ Thù lao c a thành viên H i ng qu n tr c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p và c th hi n thành m c riêng trong báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty và ph i báo cáo i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên.

- Quy n khác do Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

b) Ngh a v c a thành viên H i ng qu n tr :

- Th c hi n nhi m v và quy n h n c giao theo úng quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, pháp lu t có liên quan, i u l công ty và quy t nh c a i h i ng c ông;

- Th c hi n nhi m v và quy n h n c giao m t cách trung th c, c n tr ng nh m b o m l i ích h p pháp t i a c a Công ty và c ông;

- Trung thành v i l i ích c a Công ty và c ông; không s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a Công ty, l m đ ng a v, ch c v và tài s n c a Công ty t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;

- Tham d y các cu c h p c a H i ng qu n tr và có ý ki n rõ ràng v các v n c a ra th o lu n t i cu c h p;

- Thông báo k p th i, y , chính xác cho Công ty v các doanh nghi p mà thành viên H i ng qu n tr và ng i có liên quan c a mình làm ch ho c có c ph n, ph n v n góp chi ph i. Thông báo này c niêm y t t i tr s chính và chi nhánh c a Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị không có thẩm quyền, trừ trường hợp khi Công ty không thanh toán các khoản nợ;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty;
- Nghĩa vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: ... thành viên (số lượng do Công ty quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp và quy chế quản trị Công ty). Số thành viên Hội đồng quản trị không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hiện tại của Hội đồng quản trị không nghỉ hưu. Các thành viên có kinh nghiệm và pháp luật, tài chính và kế toán; một số các thành viên kiêm nhiệm hành và các thành viên không kiêm nhiệm hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hiện tại của Hội đồng quản trị không nghỉ hưu.

Điều kiện khuyến khích: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ... (65-70) tuổi trở lên không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm (số năm do Công ty quy định). Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên bổ sung hoặc thay thế thành viên bất đắc dĩ cách thành viên, bổ nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị do Hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dần phi ưu theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị thông qua các và các văn phòng không số lượng nhất định, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác có thể thêm các thành viên vào Hội đồng quản trị hoặc tổ chức các theo một cách do Công ty quy định. Các cách thức Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát, cổ đông khác các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải có Hội đồng cổ đông thông qua trước khi

tiền hành của Công ty. Những người vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này.

4. Điều kiện khuyến nghị: Thông tin về những người vào Hội đồng quản trị của công bố trước khi tổ chức họp Hội đồng, gồm có: danh tính cá nhân; danh tính cá nhân hoặc nhóm công nhân viên; tuổi và trình độ văn hóa cá nhân; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cá nhân; những vị trí công tác mà người làm nhiệm vụ trong vòng năm (05) năm qua; những vị trí công tác mà người làm nhiệm vụ; báo cáo đánh giá đóng góp cá nhân cho Công ty với cách là thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người làm nhiệm vụ; bản chất mối quan hệ cá nhân với Công ty; các vị trí trong Hội đồng quản trị hoặc các vị trí chức danh khác mà người làm nhiệm vụ giữ, cũng như các công ty khác; quan hệ cá nhân với người có liên quan trong Công ty; quan hệ cá nhân với các tác nhân kinh doanh chính của Công ty; những thông tin liên quan đến tình hình tài chính cá nhân và những vị trí khác có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ, tính độc lập cá nhân với cách là thành viên Hội đồng quản trị; việc người làm nhiệm vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty (nếu có).

5. Trường hợp Hội đồng quản trị ảnh hưởng mà người làm nhiệm vụ công bố về Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị của nhiệm vụ và kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của công bố và tiếp quản công việc.

Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc bất kỳ một thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Là công dân Việt Nam hoặc ít nhất năm phần trăm (05%) tổng số phần trăm thông tin cá nhân có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, ngân hàng.

3. Điều kiện về công ty kế toán mà Nhà nước sở hữu trên năm phần trăm (50%) vốn điều lệ: Thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan cá nhân quản lý, người có thể quản lý nhiệm vụ quản lý của công ty.

4. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty kế toán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (nếu

v i công ty niêm y t).

5. Không c t ng là thành viên H i ng qu n tr ho c i di n theo pháp lu t c a m t công ty b phá s n ho c b c m ho t ng do nh ng vì ph m pháp lu t nghiêm tr ng.

6. i u kho n khuy n ngh : Không c vào H i ng qu n tr nhân viên c a m t n v ki m toán c l p th c hi n ki m toán cho Công ty trong vòng ... n m qua.

7. i u kho n khuy n ngh : Các thành viên H i ng qu n tr c n có nh ng ph m ch t và n ng l c sau ây:

a) Nh n c s tin t ng c a các c ông (ph n ánh qua vì c các c ông bi u quy t ng h), các thành viên khác trong H i ng qu n tr , cán b qu n lý và nhân viên c a Công ty;

b) Có kh n ng cân b ng l i ích c a t t c các bên có quy n l i liên quan và a ra nh ng quy t nh h p lý;

c) Có kinh nghi m chuyên môn và trình h c v n c n thi t i u hành ho t ng Công ty m t cách hi u qu ;

d) Có kinh nghi m kinh doanh qu c t , am hi u các v n a ph ng, hi u bi t v th tr ng, s n ph m và i th c nh tranh;

e) Có kh n ng bi n ki n th c và kinh nghi m thành các gi i pháp th c t i n.

8. Khi b t u nhi m k , t t c thành viên H i ng qu n tr u ph i áp ng y nh ng i u ki n theo yêu c u c a pháp lu t, quy ch qu n tr , i u l và các quy nh n i b c a Công ty. Trong nhi m k c a mình, n u có s thay i thì các thành viên ph i thông báo v i Ch t ch h i ng qu n tr . Tiêu chu n và i u ki n quy nh t i i u này ng th i áp d ng cho nh ng thành viên H i ng qu n tr c b u ch n b sung, thay th .

9. i u ki n và tiêu chu n khác do Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

i u 34. Cu c h p H i ng qu n tr và biên b n cu c h p

1. H i ng qu n tr có th h p nh k ho c b t th ng. Cu c h p c a H i ng qu n tr do Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p b t c khi nào n u th y c n thi t, nh ng t i thi u m i quý ph i t ch c h p m t (01) l n.

2. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch trong nhi m k m i thì cu c h p u tiên b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n

ph i c t i n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr c a nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên b u m t (01) ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr theo nguyên t c a s .

3. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n m i l m (15) ngày trong các tr ng h p sau ây:

- a) Nh n c ngh c a Ban Ki m soát;
- b) Nh n c ngh c a Giám c (T ng Giám c) ho c ít nh t n m (05) ng i qu n lý khác;
- c) Nh n c ngh c a ít nh t hai (02) thành viên H i ng qu n tr ;
- d) ngh h p ph i c l p thành v n b n, trong ó nêu rõ m c ích, v n c n th o lu n và quy t nh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .

4. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không tri u t p h p theo ngh thì ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty và ng i ngh có quy n thay th Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t ... ngày làm vi c tr c ngày h p cho các thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban Ki m soát, Giám c (T ng Giám c).

c). Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng trình, các v n th o lu n và quy t nh, kèm theo tài li u s d ng t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên. Cách th c g i thông báo th c hi n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

6. Thành viên Ban Ki m soát, Giám c (T ng Giám c) không ph i là thành viên H i ng qu n tr , có quy n đ các cu c h p c a H i ng qu n tr , có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.

7. Cu c h p H i ng qu n tr theo gi y tri u t p l n th nh t c t i n hành khi có t ba ph n t (3/4) t ng s thành viên tham d . Tr ng h p cu c h p c tri u t p l n th nh t không s thành viên đ h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày đ nh h p l n th nh t. Trong tr ng h p này, cu c h p c t i n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr đ h p.

8. Quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c h n m t

phần hai (1/2) tổng số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quy định như cũ cùng thu về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị ưu tiên lập biên bản và tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp. Trường hợp quy định Hội đồng quản trị đã thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chủ tịch xác nhận việc tham dự họp coi là chủ tịch ký thay tại biên bản họp. Biên bản họp phải y nguyên nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Luật này;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có xin thôi việc;

d) Có bị ngưng chức ngừng thành viên Hội đồng quản trị bất mãn ngừng làm việc;

e) Theo quy định của Điều lệ công ty;

f) Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: trong trường hợp miễn nhiệm thành viên bất mãn thôi việc cách thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, bổ cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải thực hiện tại Hội đồng công ty ngay. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) số vốn điều lệ quy định tại điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công ty trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không liên hành (quy định bắt buộc đối với công ty chứng khoán và chúng)

1. Thành viên Hội đồng quản trị không đi u hành là thành viên không n m gi m t v trí i u hành nào trong Công ty, t c là không ng th i là thành viên Ban Giám c (Ban T ng Giám c), k toán tr ng ho c cán b qu n lý khác c H i ng qu n tr b nhi m.

2. Thành viên Hội đồng quản trị c l p là thành viên không có quy n l i s h u tr c ti p ho c gián ti p i v i Công ty; không là ng i qu n lý, nhân viên ho c các bên liên quan c a Công ty (quy nh c th theo Thông t quy nh v qu n tr công ty áp d ng cho các công ty i chúng).

3. i u kho n khuy n ngh : Nhi m k c a thành viên Hội đồng quản trị c l p, không i u hành gi ng v i nhi m k c a các thành viên khác nh ng không c b nhi m l i trong nhi m k ti p theo.

4. i u kho n khuy n ngh : Thành viên c l p có các nhi m v và quy n h n gi ng các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quy n h n sau:

a) xu t v i Hội đồng quản trị t ch c cu c h p i h i ng c ông b t th ng ho c xu t v i Ban Ki m soát t ch c cu c h p i h i ng c ông b t th ng trong tr ng h p Hội đồng quản trị ph n i ngh này;

b) Thuê t ch c t v n ho c ki m toán th c hi n nhi m v c a mình;

c) a ra ý ki n c l p v các v n liên quan n k ho ch khen th ng, tr thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và ng i qu n lý Công ty;

d) a ra các ý ki n c l p v các giao d ch l n có liên quan và báo cáo c quan qu n lý khi xét th y c n thi t.

i u 37. Ch t ch Hội đồng quản trị

1. Ch t ch Hội đồng quản trị do i h i ng c ông b nhi m ho c Hội đồng quản trị b u ra trong s các thành viên Hội đồng quản trị (do Công ty quy nh).

2. Ch t ch Hội đồng quản trị s không kiêm nhi m ch c Giám c (T ng Giám c) i u hành, tr khi c i h i ng c ông ch p thu n. Ch t ch Hội đồng quản trị kiêm ch c Giám c (T ng Giám c) i u hành ph i c i h i ng c ông phê chu n hàng n m t i cu c h p th ng niên.

3. Ch t ch Hội đồng quản trị có các quy n h n và nhi m v sau ây:

a) L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a Hội đồng quản trị ;

b) Chu n b ch ng trình, n i dung, các tài li u ph c v cu c h p; tri u t p và ch t a cu c h p Hội đồng quản trị ;

- c) Tổ chức việc thông qua quy định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ trì các cuộc họp Hội đồng, ký thay mặt Hội đồng trong các nghị quyết của Hội đồng thông qua;
- f) Lãnh đạo và tổ chức công tác có liên quan của Hội đồng quản trị;
- g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị;
- h) Lên lịch họp Hội đồng quản trị và các buổi họp nội bộ của Hội đồng quản trị;
- i) Chủ trì công tác trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- j) Thành viên dự họp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);
- k) Tổ chức báo cáo và trao đổi thông tin ý kiến, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- l) Tổ chức báo cáo và liên lạc với các công ty;
- m) Tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của Hội đồng quản trị, các buổi họp nội bộ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
- n) Tổ chức thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị không đi vào hành động, lập hồ sơ quản lý các cách có liên quan và thẩm định quản lý có tính chất xây dựng giữa các thành viên đi vào hành động và những thành viên không đi vào hành động trong Hội đồng quản trị;
- o) Thực hiện công việc và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Hội đồng và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- p) Các quy định và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác thực hiện các quy định và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định trong nội quy này. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc cho công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ sung thì các thành viên còn lại bổ sung một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đã nêu ở trên.

Điểm 38. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị (bộ tư vấn nội bộ công ty và chúng tôi công ty các phép thử chính nội bộ môi giới kế toán)

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc công lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:

a) Đánh giá mức độ phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, nội bộ, các quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị;

b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trước Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh nội bộ các chính sách và quy trình nội bộ;

d) Tham mưu thực hiện các chính sách và quy trình nội bộ;

e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp bảo vệ tài sản;

f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k) Kiểm tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

m) Chức năng khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

a) Quy định chính sách, chỉ định các quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro trong Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

b) Đánh giá mức độ phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã thiết lập trong Công ty;

c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự uy tín, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro được thực hiện bởi Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) nhằm hoàn thiện hệ thống này;

d) Chức năng khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ :

a) Không phải là người đã từng bị xử phạt tiền trên lĩnh vực các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại;

b) Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền thực thi có hiệu quả nhiệm vụ công tác;

c) Không phải là người có liên quan đến các thành viên chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d) Có Chức danh Nhân viên kế toán và thủ tục kế toán và Chức danh Pháp luật kế toán và thủ tục kế toán hoặc Chức danh hành nghề kế toán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

III. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 39. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

1. Thành phần Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc) của Công ty gồm có: Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và ... (các chức danh quản lý khác do Công ty tự quy định).

2. Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) khác là ... năm (do Công ty tự quy định). Số lượng thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) là

thì là thành viên Hội đồng quản trị phải ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị (nếu có) của công ty (nếu có).

3. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) phải thiết lập và duy trì hệ thống thống kê quản trị rủi ro nhằm bảo vệ lợi ích của công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các quy định, nhân sự, kế hoạch và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, nhân viên, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) phải xây dựng các quy định làm việc của Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc nội bộ phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Trách nhiệm, nhiệm vụ của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc);
- b) Quy trình tuyển dụng, thâu tóm nhân lực và tham gia các cuộc họp;
- c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người chịu trách nhiệm công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng Giám đốc) cụ thể như sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện quy định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiểm soát phương án các quy định, kế hoạch hoặc ban hành quy định quản lý nội bộ Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải do Hội đồng quản trị phê duyệt;
- f) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;

h) Kinh phí ngân sách dùng để chi trả trong kinh doanh;

i) Tuyển dụng lao động;

j) Các quy định và nhiệm vụ khác của quy định về lao động mà Giám đốc (Tổng Giám đốc) ký với Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị;

k) Điều kiện khuyến khích: Giám đốc (Tổng Giám đốc) không tham gia vào bất cứ hoạt động kinh doanh nào ngoài những việc liên quan tới vai trò quản lý, điều hành Công ty và việc quản trị các công ty con của Công ty;

l) Các quy định và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:

a) Nghĩa vụ của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

- Thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, điều lệ công ty, quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng;

- Thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và cộng đồng;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cộng đồng của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, danh tiếng kinh doanh của Công ty, lợi nhuận, danh tiếng và tài sản của Công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, chiếm chi phí; thông báo này cần niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) không có trách nhiệm, trừ trường hợp khi Công ty không thanh toán các khoản nợ của mình;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

b) Quyền lợi của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc):

- Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) được quy định về thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị quy định

nh;

- Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải công khai thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo kịp thời ngay công ty cụ thể hàng năm.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) số phần vốn thông của Công ty hoặc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

3. Không công tác làm việc cho doanh nghiệp khác.

4. Đáp ứng các điều kiện quy định về Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty kế toán theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động công ty kế toán và các quy định có liên quan.

5. Trưởng công ty kế toán là công ty con của công ty có phần vốn góp, chiếm của Nhà nước chỉ chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ: Giám đốc (Tổng Giám đốc) không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý công ty mẹ và người đi diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 41. Nhiệm vụ, bổn phận Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Giám đốc (Tổng Giám đốc) bổn phận, bổn phận trong các trường hợp sau:

1. Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này.

2. Có xin thôi việc.

3. Theo quy định của Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 42. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, nội quy công ty, quy định của Hội đồng, quy định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của ngành nghề kinh doanh trong công ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, các bất lợi về các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của các tác nhân về các hoạt động này quy định.

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy định về công nghệ nghiệp vụ;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định về bảo toàn tài chính;

e) Tách biệt tài sản của khách hàng;

f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền thực thi có hiệu quả nhiệm vụ giao;

b) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong công ty kinh doanh;

c) Có Chức vụ hành nghề kinh doanh hoặc Chức vụ Nhân viên công bố nội vụ kinh doanh và thẩm tra kinh doanh và Chức vụ Pháp luật viên kinh doanh và thẩm tra kinh doanh;

- d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - e) Yêu cầu khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Nhiệm vụ của hội đồng thành viên như sau:
- a) Xác định chính sách thành tích và mức chi phí nhân sự của Công ty;
 - b) Xác định nhân sự của Công ty;
 - c) Lựa chọn nhân sự;
 - d) Giám sát, quản lý, phát hiện và xử lý nhân sự.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 43. Nhiệm vụ và quyền của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:
 - a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật, điều hành công việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c) Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Hội đồng cổ đông tức thời hàng năm;
 - d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của công đồng hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm (iii) khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này;
 - e) Khi có yêu cầu kiểm tra của công đồng hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm (iii) khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo gửi trình và nêu rõ yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và công đồng hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không có hiệu lực đối với bình thường của Hội

ng qu n tr và không gây gián o n ho t ng kinh doanh c a Công ty;

f) Khi có yêu c u kh i ki n c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i ti t (viii) i m a kho n 3 i u 16, Ban Ki m soát ph i tr l i b ng v n b n xác nh n ã nh n c yêu c u kh i ki n và ti n hành các th t c kh i ki n theo yêu c u c a c ông trong th i h n m i l m (15) ngày k t ngày nh n c yêu c u kh i ki n.

g) Ki n ngh H i ng qu n tr ho c i h i ng c ông các gi i pháp s a i, b sung, c c u t ch c qu n lý, i u hành công vi c kinh doanh c a Công ty;

h) Khi phát hi n có thành viên H i ng qu n tr ho c thành viên Ban Giám c (Ban T ng Giám c) vi ph m pháp lu t, i u l công ty đ n n xâm ph m quy n và l i ích c a Công ty, c ông ho c khách hàng, xâm ph m ngh a v c a ng i qu n lý Công ty thì ph i thông báo ngay b ng v n b n cho H i ng qu n tr và yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m đ t hành vi vi ph m, ng th i có gi i pháp nh m kh c ph c h u qu . N u vi ph m ó nghiêm tr ng ho c thành viên vi ph m không ch u th c hi n ch m đ t, i u ch nh hành vi vi ph m úng th i h n theo yêu c u, Ban ki m soát ph i ngh tri u t p h p i h i ng c ông xu t bi n pháp gi i quy t ti p theo;

i) i v i tr ng h p thành viên H i ng qu n tr ho c Ban Giám c (Ban T ng Giám c) c a Công ty vi ph m nghiêm tr ng các quy nh c a pháp lu t, Ban Ki m soát ph i tr c ti p báo cáo lên UBCK b ng v n b n trong vòng b y (07) ngày làm vi c k t ngày phát hi n vi ph m;

j) Tr ng h p ki m soát viên bi t r ng các thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban Giám c (Ban T ng Giám c) vi ph m quy nh c a pháp lu t, nguyên t c qu n tr và i u l công ty, vì th xâm ph m n quy n và l i ích c a Công ty nh ng không th c hi n thông báo, th c hi n trách nhi m c a mình theo quy nh thì ki m soát viên ó ph i ch u trách nhi m v nh ng v n có liên quan n nhi m v c a mình;

k) Xây d ng quy trình ki m soát i h i ng c ông thông qua;

l) Các nhi m v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và quy t nh c a i h i ng c ông;

m) Nhi m v khác do Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

2. Quy n c a Ban Ki m soát:

a) S d ng t v n c l p th c hi n các nhi m v c giao;

b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng;

c) Cung cấp ý thông tin:

- Thông báo miệng, phiếu lý giải thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phiếu giải thích thành viên Ban Kiểm soát cùng thẩm định và theo phông thủ tục nội vụ thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phiếu giải thích thành viên Ban Kiểm soát cùng thẩm định và theo phông thủ tục nội vụ thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền nắm các địa điểm kinh doanh và nhân viên của Công ty làm việc thực thi nhiệm vụ của mình;

- Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác cung cấp ý, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

d) Chính sách thù lao và hình thức lợi ích khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát được thù lao theo công việc và chính sách hình thức lợi ích khác theo quy định của Hội đồng. Hội đồng công quy định mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát trước ngày làm việc đầu tiên, cuối năm và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tiện ích cá nhân và chi phí khác. Mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng thông qua, trừ trường hợp Hội đồng có quy định khác;

- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phiếu giải thích thành viên riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty, quy định của Hội đồng

ông và o c ngh nghi p trong vi c th c hi n các quy n và nhi m v c giao;

b) Th c hi n các quy n và nhi m v c giao m t cách trung th c, c n tr ng nh m b o m l i ích h p pháp t i a c a Công ty và c ông;

c) Trung thành v i l i ích c a Công ty và c ông; không c s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a Công ty, l m đ ng a v , ch c v và tài s n c a Công ty t l i ho c ph c v l i ích cho t ch c, cá nhân khác;

d) Các ngh a v khác do Công ty quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

4. Tr ng h p Ban Ki m soát vi ph m ngh a v quy nh t i kho n 3 i u này, đ n n gây thi t h i cho Công ty ho c ng i khác thì các thành viên Ban Ki m soát ph i ch u trách nhi m cá nhân ho c liên i b i th ng thi t h i ó. M i thu nh p và l i ích khác mà thành viên Ban Ki m soát tr c ti p ho c gián ti p có c do vi ph m ngh a v c a mình u thu c s h u c a Công ty.

5. N u phát hi n có thành viên Ban Ki m soát vi ph m ngh a v trong khi th c hi n quy n và nhi m v c giao thì H i ng qu n tr ph i thông báo b ng v n b n n Ban Ki m soát, yêu c u ph i ch m d t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

i u 44. S l ng thành viên và nhi m k c a Ban Ki m soát

1. Ban Ki m soát c a Công ty có ... thành viên (s l ng c th do Công ty quy nh).

2. Nhi m k c a Ban Ki m soát là ... n m. Thành viên Ban Ki m soát có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .

3. Ban Ki m soát ph i có h n m t n a s thành viên th ng trú Vi t Nam và ít nh t m t thành viên là k toán viên ho c ki m toán viên. Thành viên này không ph i là nhân viên trong b ph n k toán, tài chính c a Công ty và không ph i là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p ang th c hi n vi c ki m toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

4. Trong tr ng h p vào th i i m k t thúc nhi m k mà Ban Ki m soát nhi m k m i ch a c b u thì Ban Ki m soát ã h t nhi m k v n ti p t c th c hi n quy n và nhi m v cho n khi Ban Ki m soát nhi m k m i c b u và nh n nhi m v .

5. Thành viên Ban Ki m soát do i h i ng c ông b u ch n. Vi c b u ch n thành viên Ban Ki m soát ph i th c hi n trên nguyên t c b u đ n phi u. C ông ho c nhóm c ông quy nh t i t i t (xi) i m a kho n 3 i u 16

Điều này có quy định công viên vào Ban Kiểm soát theo quy định của Điều này.

Điều 45. Cách thức hoạt động và cấu trúc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức của Ban Kiểm soát.
2. Minimum Ban Kiểm soát phải có ít nhất 03 thành viên.
3. Cấu trúc của Ban Kiểm soát có thể thay đổi khi có thêm thành viên tham gia.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự và không thuộc diện bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không có ghi chép về quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.
3. Trưởng Ban Kiểm soát không có nghĩa vụ là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chi nhánh khác.
4. Điều kiện khuyến khích: Có trình độ chuyên môn về kế toán và thủ tục kế toán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.
5. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 47. Nhiệm vụ, bổn phận thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bổn phận, bổn phận trong các trường hợp sau:
 - a) Không có tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều 46 của Điều này;
 - b) Không thực hiện quy định và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có xin thôi việc;
 - d) Theo quy định của Điều lệ Công ty;

e) Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp hội đồng kiểm soát và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đồng nhiệm và bổ nhiệm Ban Kiểm soát mới thay thế.

Mục 2

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (TNHH)

Điều 48. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Hội đồng thành viên.
2. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc).
3. Ban Kiểm soát.

I. Hội đồng thành viên

Điều 49. Thành phần của Hội đồng thành viên

1. Đối với công ty TNHH chỉ có khoản hai thành viên trở lên: Hội đồng thành viên gồm tất cả thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Thành viên là tổ chức chỉ định theo quy định tham gia Hội đồng thành viên.

2. Đối với công ty TNHH chỉ có khoản một thành viên: Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một số người chỉ định theo quy định và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên gồm tất cả người chỉ định theo quy định. Người chỉ định theo quy định phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp. Chủ sở hữu công ty có quyền thay thế người chỉ định theo quy định bất cứ khi nào.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

a) Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên:

- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thêm và phát hành trái phiếu thêm vốn;

- Quy t nh ph ng th c u t và d án u t có giá tr trên ...% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính t i th i i m công b g n nh t c a Công ty (t l c th do Công ty quy nh);

- Quy t nh gi i pháp phát tri n th tr ng, ti p th và chuy n giao công ngh ; thông qua h p ng vay, cho vay, bán tài s n có giá tr b ng ho c l n h n ...% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính t i th i i m công b g n nh t c a Công ty;

- B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng thành viên; quy t nh b nhi m, mi n nhi m, cách ch c, ký và ch m d th p ng i v i Giám c (T ng Giám c), K toán tr ng và ng i qu n lý khác quy nh t i i u l này; Quy t nh m c l ng, th ng và l i ích khác i v i Ch t ch H i ng thành viên, Giám c (T ng Giám c), K toán tr ng và ng i qu n lý khác quy nh t i i u l này;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng n m, ph ng án s d ng và phân chia l i nhu n ho c ph ng án x lý l c a Công ty;

- Quy t nh c c u t ch c qu n lý Công ty;

- Quy t nh thành l p công ty con, chi nhánh, v n phòng i di n, phòng giao d ch;

- S a i, b sung i u l công ty;

- Quy t nh t ch c l i Công ty;

- Quy t nh gi i th ho c yêu c u phá s n Công ty;

- Thi t l p m t quy trình chu n v tri u t p h p, b phi u và bi u quy t t i cu c h p H i ng thành viên; xây d ng các quy nh v trình t , th t c l a ch n, b nhi m, mi n nhi m Ch t ch h i ng thành viên, Giám c (T ng Giám c), cán b qu n lý và quy trình th t c ph i h p ho t ng gi a H i ng thành viên v i Ban Ki m soát và Ban Giám c (T ng Giám c); xây d ng c ch ánh giá ho t ng, khen th ng và k lu t i v i Ch t ch H i ng thành viên, Ban Giám c (T ng Giám c) và các cán b qu n lý khác;

- Thi t l p các b ph n ho c c ng i th c hi n nhi m v ki m soát n i b và qu n tr r i ro nh m quy nh chính sách chi n l c qu n lý r i ro trong ho t ng c a Công ty và ki m tra, ánh giá v s phù h p, hi u qu c a h th ng qu n tr r i ro ã c thi t l p trong Công ty;

- Gi i quy t xung t trong Công ty: Th c hi n ng n ng a và gi i quy t nh ng xung t có th phát sinh gi a các thành viên và Công ty. H i ng thành

viên có thể bổ nhiệm cán bộ triển khai các hình thức cạnh tranh thành lập bộ phận chuyên trách ghi ý quy tắc xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

- Điều khoản khuyến nghị: Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình (nếu có);

- Xây dựng quy trình nội bộ về thực tế, trình tự ưu tiên và biên độ quy tắc tích cực của Hội đồng thành viên;

- Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan;

- Quy định và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

b) Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên (điều lệ công ty TNHH chứng khoán mở thành viên):

- Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty, thực hiện các trách nhiệm pháp lý và điều lệ công ty quy định phi lợi ích của Chủ sở hữu công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quy định của Công ty; chịu trách nhiệm thực hiện pháp lý và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ giao theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện lập kế hoạch trình chuẩn về trình tự hợp pháp, chi phí và biên độ quy tắc tích cực của Hội đồng thành viên; xây dựng quy trình, thực tế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc); xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật về Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cán bộ quản lý khác Chủ sở hữu thông qua;

- Thực hiện lập các bộ phận hoặc công việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá và sửa đổi phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã thực hiện trong Công ty;

- Xây dựng quy trình nội bộ về thực tế, trình tự ưu tiên và biên độ quy tắc tích cực của Hội đồng thành viên;

- Quy định, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác và chức năng làm việc của Hội đồng thành viên điều lệ của Chủ sở hữu công ty: do Chủ sở hữu công ty quy định,

phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 50. Trách nhiệm pháp lý của thành viên

1. Số lượng, thời gian, cách thức thực hiện, địa điểm:

a) Thành viên có trách nhiệm pháp lý khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên, nhóm thành viên quy định tại Điều 16 của Điều lệ này (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên) như nội dung quy định tại Phụ lục (01) này;

b) Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải thực hiện tại trụ sở chính của Công ty (hoặc địa điểm khác do Công ty quy định).

2. Thẩm quyền trách nhiệm pháp lý của thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm pháp lý của Hội đồng thành viên bình thường (hoặc thông báo bằng hình thức khác do Công ty quy định). Nội dung bình thường phải phù hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Trường hợp họp theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu;

c) Nếu Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn quy định thì thành viên, nhóm thành viên có yêu cầu thực hiện việc triệu tập họp Hội đồng thành viên. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, có thể thành viên có thẩm quyền giám sát việc thực hiện và tiến hành họp Hội đồng thành viên, đồng thời có quyền nhân danh mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên vì việc không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, gây thiệt hại lợi ích hợp pháp của thành viên;

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và thành viên có liên quan của Công ty.

3. Chế độ trình, nội dung họp Hội đồng thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì hoặc tổ chức việc chủ trì buổi họp, nội dung tài liệu họp;

b) Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chế độ trình họp và ghi kiến nghị của Công ty chậm nhất là mười (01) ngày làm việc kể từ ngày họp

Hội đồng thành viên. Trường hợp kinh doanh có trình ngay trước khi họp thì kinh doanh đó có chấp thuận của thành viên dự họp không. Nội dung kinh doanh phải đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 51. Các điều kiện của quy định (điều kiện công ty TNHH hai thành viên trở lên)

1. Thành viên là tổ chức chấp thuận điều kiện theo quy định tham gia Hội đồng thành viên. Người điều kiện theo quy định phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Người điều kiện theo quy định có nghĩa vụ quy định về nghĩa vụ góp vốn của quy định.

2. Việc chấp thuận hoặc thay thế người điều kiện theo quy định phải lập báo cáo và thông báo cho Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày chấp thuận. Thông báo quy định phải có các nội dung chi tiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp và có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được thông báo.

3. Người điều kiện theo quy định nhân danh thành viên thực hiện các quy định và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Người điều kiện theo quy định có nghĩa vụ tham dự các cuộc họp của Hội đồng thành viên; thực hiện các quy định và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên một cách trung thực và cẩn trọng, tốt nhất nhằm lợi ích hợp pháp của thành viên và Công ty.

Điều 52. Điều kiện họp và thẩm quyền hành động Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên có thẩm quyền hành động khi có sự đồng ý của ít nhất một phần trăm số thành viên dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện hành động thì cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày diễn ra cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên thứ hai có thẩm quyền hành động khi có sự đồng ý của ít nhất một phần trăm số thành viên dự họp.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện hành động thì cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày diễn ra cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên có thẩm quyền hành động không phải có sự đồng ý của thành viên dự họp và sự đồng ý của ít nhất một phần ba số thành viên dự họp.

4. Thứ tự ưu tiên hành xử của Hội đồng thành viên: do Công ty tự quyết định.

5. Hội đồng thành viên của công ty TNHH chỉ có quyền quyết định thành viên: cụ thể hành xử của Hội đồng thành viên chỉ có hiệu lực khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên đồng ý.

Điều 53. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lý do khác (trừ trường hợp khác do Công ty quyết định). Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên (nếu Công ty không quy định khác):

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung công ty;
- b) Quyết định phương hướng phát triển Công ty;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc (Tổng Giám đốc);
- d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- e) Tổ chức liquidation Công ty;
- f) Nội dung khác do Công ty tự quyết định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên:

- a) Hội đồng thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên:
 - Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp khi có sự đồng ý của ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn góp của các thành viên đồng ý chấp thuận. Hội đồng quy định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn...% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, sửa đổi, bổ sung nội dung công ty, tổ chức liquidation Công ty thì phải có sự đồng ý của ít nhất...% tổng số vốn góp của thành viên đồng ý chấp thuận;

- Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lý do khác, thì quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua nếu có sự đồng ý của ít nhất...% vốn đầu tư chấp thuận. Thứ tự ưu tiên hành xử của Hội đồng thành viên theo hình thức lý do khác của văn bản thì chỉ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) **Đi v i công ty TNHH m t thành viên:** M i thành viên có m t phi u bi u quy t có giá tr nh nhau (ho c Ch s h u công ty quy nh s phi u bi u quy t c th c a m i thành viên). Quy t nh c a H i ng thành viên c thông qua khi có h n m t n a s thành viên đ h p ch p thu n. Vi c s a i, b sung i u l công ty, t ch c l i Công ty, chuy n nh ng m t ph n ho c toàn b v n i u l c a Công ty ph i c ít nh t ba ph n t (3/4) s thành viên đ h p ch p thu n.

3. Quy t nh c a H i ng thành viên có giá tr pháp lý k t ngày c thông qua ho c t ngày có hi u l c c ghi rõ trong ngh quy t, tr nh ng tr ng h p ph i c Ch s h u công ty ch p thu n (i v i công ty TNHH m t thành viên).

Đ i u 54. Biên b n h p H i ng thành viên

1. Các cu c h p c a H i ng thành viên ph i c l p biên b n và l u gi t i tr s chính.

2. T t c thành viên, ng i i di n thành viên đ h p ph i ký vào biên b n h p H i ng thành viên. Tr ng h p ngh quy t H i ng thành viên ã c thông qua theo úng quy nh, nh ng thành viên ho c ng i i di n thành viên thi u s t ch i ký biên b n h p H i ng thành viên thì ch ký xác nh n vi c tham đ h p c coi là ch ký c a h t i biên b n h p H i ng thành viên.

3. Biên b n h p H i ng thành viên ph i làm xong và thông qua ngay tr c khi k t thúc cu c h p. Biên b n ph i có các n i dung ch y u theo quy nh c a pháp lu t.

Đ i u 55. Ch t ch H i ng thành viên

1. **Đ i v i công ty TNHH hai thành viên tr lên:** Ch t ch H i ng thành viên do H i ng thành viên b u ra trong s các thành viên.

2. **Đ i v i công ty TNHH ch ng khoán m t thành viên:** Ch s h u công ty ch nh m t ng i trong H i ng thành viên làm Ch t ch h i ng thành viên. Ch t ch H i ng thành viên có th kiêm Giám c (T ng Giám c) Công ty.

3. Nhi m k c a Ch t ch H i ng thành viên là: ... n m. Ch t ch H i ng thành viên có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .

4. Quy n và nhi m v c a Ch t ch H i ng thành viên:

a) Chu n b ho c t ch c vi c chu n b ch ng trình, k ho ch ho t ng

c) a) Hội đồng thành viên;

b) Chuẩn bị hồ sơ thành lập và điều hành công ty, nội dung, tài liệu pháp lý Hội đồng thành viên hoặc lý do thành lập;

c) Trách nhiệm và chức vụ của Hội đồng thành viên hoặc thành lập lý do thành lập;

d) Giám sát hoặc thành lập giám sát viên theo các quy định của Hội đồng thành viên;

e) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quy định của Hội đồng thành viên;

f) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

g) Quy định và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác theo các quy định và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật này. Trường hợp không có thành viên ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc thì các thành viên còn lại bầu ra một (01) người trong số các thành viên, tạm thời thực hiện quy định và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.

6. Nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:

a) Tuân thủ pháp luật, pháp lệnh của công ty, quy định của Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty;

b) Thực hiện quy định và nhiệm vụ giao nhiệm vụ cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và thành viên/Chủ sở hữu;

c) Trung thành vì lợi ích của Công ty và thành viên/Chủ sở hữu của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lợi ích cá nhân, chức vụ và tài sản của Công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Chủ tịch Hội đồng thành viên và người có liên quan làm chủ hoặc có phần vốn góp, phần chi phí; thông báo này có nhiệm vụ trả lời chính và chi nhánh của Công ty;

e) Chủ tịch Hội đồng thành viên không có nghĩa vụ, trừ trường hợp khi Công ty không thanh toán các khoản nợ;

- f) Các ngành khác theo quy định của pháp luật;
- g) Ngành khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 56. Bộ phận Kế toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

Tổng các quy định từ Điều 38 của Điều lệ này.

II. Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 57. Thành phần, ngành nghề và quy định của Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

1. Thành phần Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) gồm có: Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và ... (các chức danh quản lý khác do Công ty quy định).

2. Thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) là ... năm, có thể bổ nhiệm liên tục nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và thực hiện pháp luật và các quy định và nhiệm vụ giao.

4. Ngành nghề và quy định của Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc): tổng các quy định từ khoản 3, 4, 5 Điều 39 của Điều lệ này.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Sở hữu ít nhất một phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên) hoặc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

3. Không có tình trạng làm việc cho doanh nghiệp khác.

4. Đối với công ty TNHH một thành viên: Không phải là người có liên quan của Hội đồng thành viên, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người

đi đn theo y quy n.

5. áp ng các i u ki n quy nh i v i Giám c (T ng Giám c) công ty ch ng khoán theo quy nh t i Quy ch t ch c và ho t ng công ty ch ng khoán và các quy nh có liên quan.

6. Tr ng h p công ty ch ng khoán là công ty con c a công ty có ph n v n góp, c ph n c a nhà n c chi m trên n m m i ph n tr m (50%) v n i u l : Giám c (T ng Giám c) không c là v ho c ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi ho c anh, ch , em ru t c a ng i qu n lý công ty m và ng i i di n ph n v n nhà n c t i Công ty.

7. i v i công ty TNHH m t thành viên: Tr ng h p ch s h u công ty ch ng khoán là c quan nhà n c ho c doanh nghi p có trên n m m i ph n tr m (50%) s h u nhà n c: Giám c (T ng Giám c) không c là v ho c ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi ho c anh, ch , em ru t c a ng i ng u, c p phó c a ng i ng u c quan Nhà n c và ng i i di n ph n v n Nhà n c t i Công ty.

i u 59. Mi n nhi m, b i nhi m Giám c (T ng Giám c)

Giám c (T ng Giám c) Công ty b mi n nhi m, b i nhi m trong các tr ng h p sau:

1. Không còn tiêu chu n và i u ki n làm Giám c (T ng Giám c) theo quy nh t i i u 58 i u l này;
2. Có n xin t ch c;
3. Theo quy t nh c a H i ng thành viên;
4. Các tr ng h p khác do Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

i u 60. B ph n Ki m soát n i b và Qu n tr r i ro thu c Ban Giám c (Ban T ng Giám c)

T ng t các quy nh t i i u 42 c a i u l này.

III. Ban Ki m soát

i u 61. S l ng thành viên và nhi m k c a Ban Ki m soát

1. i v i công ty TNHH hai thành viên tr lên: thành viên Ban Ki m soát do H i ng thành viên b u ch n. Nguyên t c b u ch n thành viên Ban

Kiểm soát: do Hội đồng thành viên quy định.

2. Vị trí công ty TNHH một thành viên: thành viên Ban Kiểm soát do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm.

3. Các quy định khác về Ban Kiểm soát: tương tự điều 44 của Điều lệ này.

Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng thành viên (vị trí công ty công khai TNHH một thành viên), Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty/Hội đồng thành viên và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc). Trình báo cáo thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) lên Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên;

d) Kiểm tra các quyết định của Hội đồng thành viên các quyết định pháp luật, bổ sung, cắt giảm tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Chủ sở hữu công ty/Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên quy định tại Điều 16 của Điều lệ này (vị trí công ty TNHH hai thành viên trở lên). Báo cáo, ghi trình và nhận xét về yêu cầu kiểm tra cho Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên hoặc nhóm thành viên có yêu cầu trong vòng ... ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Điều này không có hiệu lực hoạt động bình thường của Hội đồng thành viên (vị trí công ty TNHH một

thành viên) và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

f) Khi phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) vi phạm pháp luật, nội quy công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, thành viên/Chủ sở hữu hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có gì pháp khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, nội quy hành vi vi phạm đúng thì hình thành theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải lập báo cáo Chủ sở hữu/ người quản lý pháp Hội đồng thành viên xuất bản pháp gì quy định theo;

g) Đối với trọng hợp thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát phải lập báo cáo lên UBCK;

h) Trọng hợp Kiểm soát viên bị trọng thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và nội quy công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty, nhưng không hoàn thành trách nhiệm của mình theo quy định, Kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm văn nhưng văn có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

i) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quy định của Chủ sở hữu công ty/Hội đồng thành viên;

j) Nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quy định của Ban kiểm soát

a) Sẵn sàng văn bản lập thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Chủ sở hữu công ty/Hội đồng thành viên;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin:

- Thông báo miệng, phiếu lý do thành viên Hội đồng thành viên và các tài liệu kèm theo phải có ghi rõ thành viên Ban kiểm soát cùng tham gia và theo phương thức nội dung thành viên Hội đồng thành viên;

- Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình Hội đồng thành viên

ho c tài li u khác do Công ty phát hành c g i n thành viên Ban Ki m soát cùng th i i m và theo ph ng th c nh i v i thành viên H i ng thành viên;

- Thành viên Ban ki m soát có quy n ti p c n các h s , tài li u c a Công ty l u gi t i tr s chính, chi nhánh và a i m khác; có quy n n các a i m n i ng i qu n lý và nhân viên Công ty làm vi c th c thi nhi m v c a mình;

- Ch t ch H i ng thành viên, Giám c (T ng Giám c), ng i qu n lý khác ph i cung c p y , chính xác và k p th i thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty theo yêu c u c a Ban Ki m soát.

d) c nh n thù lao và h ng các l i ích khác

- Thành viên Ban Ki m soát c tr thù lao theo công vi c và h ng các l i ích khác theo quy t nh c a Ch s h u/H i ng thành viên. Ch s h u/H i ng thành viên quy t nh t ng m c thù lao và ngân sách ho t ng hàng n m c a Ban Ki m soát c n c vào s ngày làm vi c d tính, s l ng và tính ch t c a công vi c và m c thù lao bình quân hàng ngày c a thành viên;

- Thành viên Ban Ki m soát c thanh toán chi phí n, , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t ng hàng n m c a Ban ki m soát ã c Ch s h u/H i ng thành viên ch p thu n, tr tr ng h p Ch s h u/H i ng thành viên có quy t nh khác;

- Thù lao và chi phí ho t ng c a Ban Ki m soát c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, pháp lu t có liên quan và c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty.

3. Trong quá trình th c thi nhi m v c a mình, thành viên Ban Ki m soát ph i có ngh a v sau ây:

a) Tuân th úng pháp lu t, i u l công ty, quy t nh c a H i ng thành viên/Ch s h u và o c ngh nghi p trong th c hi n các nhi m v c giao;

b) Th c hi n các quy n và nhi m v c giao m t cách trung th c, c n tr ng nh m b o m l i ích h p pháp t i a c a Công ty và thành viên/Ch s h u;

c) Trung thành v i l i ích c a Công ty và thành viên/Ch s h u công

ty; không có sự đăng thông tin, bí quyết, công nghệ kinh doanh của Công ty, lợi nhuận và tài sản của Công ty để lợi ích cho thành viên khác;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

e) Nghĩa vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 điều này, gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc về Công ty.

5. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quy định và nhiệm vụ của mình thì Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 63. Cách thức hoạt động và chức năng của Ban Kiểm soát

Thực hiện các quy định tại Điều 45 của Điều lệ này.

Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện các quy định tại Điều 46 của Điều lệ này.

Điều 65. Nhiệm vụ, bổn phận thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bổn phận, bổn phận trong các trường hợp sau:

a) Không có tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;

b) Không thực hiện quy định và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tiếp, từ chối hợp tác kháng;

c) Có xin thôi chức;

d) Theo quy định của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty;

e) Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình

và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp Hội đồng thành viên/báo cáo lên Chủ sở hữu công ty (nếu là công ty TNHH một thành viên) xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đồng nhiệm và bổ nhiệm Ban Kiểm soát mới thay thế.

Chương IV

X LÝ M I QUAN H V I CÁC I TÁC LIÊN QUAN

Điều 66. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khi xảy ra:

- a) Công đồng/thành viên với Công ty;
- b) Công đồng/thành viên với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành hay người quản lý quy định tại Điều lệ công ty;
- c) Khách hàng hoặc các đối tác liên quan khác với Công ty.

2. Nội dung của tranh chấp nêu quy định: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, quy định của các công đồng/thành viên phát sinh tại Điều lệ hoặc các quy định và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 67. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thủ tục giải quyết và hoà giải: Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thủ tục giải quyết và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ chỉ định vị trí giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên, bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không thực hiện quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Chi phí thanh lý, hoà giải và chi phí của Tòa án:

a) Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thanh lý và hoà giải;

b) Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 68. Các giao dịch phi thực thu

1. Đối với công ty cổ phần

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải có hiệu lực công đồng hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Công đồng, nghị quyết của công đồng số lượng chiếm phần trăm (35%) tổng số phần trăm thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc);

- Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc).

b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn năm triệu phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (hoặc một tài khoản khác nhỏ hơn). Trong trường hợp này, Nghị quyết theo pháp luật phải ghi rõ nội dung của hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch cho các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết rõ nội dung hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;

c) Hội đồng công chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại mục b khoản 1 điều này. Hội đồng quản trị trình rõ nội dung hợp đồng ghi rõ nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Hội đồng công đồng hoặc lý do cần công đồng bỏ phiếu. Trong trường hợp này, công đồng có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch chấp thuận khi có số công đồng ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại.

2. Đối với công ty TNHH từ hai thành viên trở lên

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải có Hội đồng thành viên chấp thuận:

- Thành viên Hội đồng thành viên, nghị quyết theo quy định của

thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Người đi n theo pháp luật của Công ty và người có liên quan của người đi n này;

- Người quản lý công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty và người có liên quan của người đi n này.

b) Người đi n theo pháp luật của Công ty phải ghi rõ họ và họ tên thông báo nội dung của giao dịch cho những thành viên Hội đồng thành viên, người giám đốc, người giám sát và chi nhánh của Công ty. Hội đồng thành viên phải quy định về chi phí thu n họ và họ tên giao dịch trong thời hạn... ngày, kể từ ngày họ và họ tên niêm yết. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan trong các họ và họ tên, giao dịch không có quyền biểu quyết và họ và họ tên giao dịch chi phí thu n n u có số người của thành viên đi n ít nhất bằng một phần tư (75%) tổng số người có quyền biểu quyết còn lại.

3. Người đi n của công ty TNHH một thành viên

a) Họ và họ tên, giao dịch của Công ty và các người đi n sau đây phải được Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và Ban Kiểm soát xem xét quyết định theo nguyên tắc sau, mà người đi n phải ưu tiên quyết:

- Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của Chủ sở hữu công ty;

- Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và Ban Kiểm soát và người có liên quan của người đi n này;

- Người quản lý Chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty và người có liên quan của người đi n này.

b) Người đi n theo pháp luật của Công ty phải ghi rõ họ và họ tên thông báo nội dung giao dịch cho Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) và Ban Kiểm soát, người giám sát và chi nhánh của Công ty phải ghi rõ họ và họ tên thông báo nội dung giao dịch;

c) Họ và họ tên, giao dịch quy định tại khoản 3 của điều này chi phí thu n khi có các điều kiện sau đây:

- Các bên ký kết họ và họ tên giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

- Giá trị của họ và họ tên giao dịch là giá trị thị trường tại thời điểm họ và họ tên ký kết họ và họ tên giao dịch chi phí thu n;

- Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4 của

65 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 69. Bồi thường thiệt hại do giao dịch với bên liên quan

1. Khi thực hiện bồi thường quy định như thực hiện các giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)/Ban Kiểm soát có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bồi thường.

2. Các hợp đồng, giao dịch bất hợp pháp và xử lý theo quy định của pháp luật khi các giao dịch đó thực hiện mà chưa được thanh toán theo quy định của pháp luật này và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 70. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin:

a) Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về kế toán và thuế, kế hoạch kinh doanh hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;

b) Việc công bố thông tin thực hiện theo những cách thức nhằm bảo vệ lợi ích của công đồng/thành viên và công chúng cũng có thể tiếp cận một cách công bằng và kịp thời cùng một thời điểm. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho công đồng/thành viên và công chúng.

2. Nội dung công bố thông tin:

a) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Công bố thông tin định kỳ và báo cáo tài chính năm kèm theo báo cáo của các kế toán;

- Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo luật định;

- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kế hoạch kinh doanh/Hội đồng thành viên hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Trách nhiệm công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định của Luật Kế toán và các

v n b n h ng d n. ng th i, b nhi m ít nh t m t cán b chuyên trách v công b thông tin áp ng yêu c u sau:

- a) Có ki n th c k toán, tài chính, có k n ng nh t nh v tin h c;
- b) Công khai tên, s i n tho i làm vi c các c ông/thành viên có th d dàng liên h ;
- c) Có th i gian th c hi n ch c trách c a mình, c bi t là vi c liên h v i các c ông/thành viên, ghi nh n nh ng ý ki n c a c ông/thành viên và nh k công b , gi i áp, tr l i nh ng ý ki n ó và các v n qu n tr Công ty theo quy nh.

4. Ng i công b thông tin: Vi c công b thông tin ph i do Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ho c Ng i c y quy n công b thông tin th c hi n. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ph i ch u trách nhi m v n i dung thông tin do Ng i c y quy n công b .

Ch ng V

QU N LÝ TÀI CHÍNH, K TOÁN

i u 71. N m tài chính

1. N m tài chính c a Công ty b t u t ngày 01 tháng 01 và k t thúc vào ngày 31 tháng 12 d ng l ch hàng n m.

2. N m tài chính u tiên c a Công ty b t u t ngày thành l p và k t thúc vào ngày 31 tháng 12 c a n m ó. Tr ng h p n m tài chính u tiên c a Công ty ít h n b n (04) tháng, Báo cáo tài chính c a n m ó c ki m toán g p v i Báo cáo c a n m tài chính ti p theo.

i u 72. H th ng k toán

1. Công ty s d ng H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán c B Tài chính ch p thu n, tuân th các ch k toán dành cho công ty ch ng khoán do B Tài chính ban hành và các v n b n h ng d n kèm theo. Công ty ph i ch u s ki m tra c a c quan Nhà n c v vi c th c hi n ch k toán - th ng kê.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t và l u tr h s , s sách k toán theo lo i hình ho t ng kinh doanh c a Công ty. H s , s sách k toán ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và y có th ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

Đ i u 73. K i m toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tài sản toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài sản toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận và do Hội đồng công đồng thông qua đăng trên xuất của Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo năm tài chính ưu tiên số do Hội đồng quản trị chọn.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị cùng với thẩm quyền lý trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Hội đồng công đồng và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội đồng công đồng mà các công đồng được quyền nhận và được phát biểu ý kiến về Hội đồng công đồng các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Đ i u 74. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

1. Điều kiện phân chia lợi nhuận cho các thành viên/công đồng: Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên/công đồng thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ thuế của năm trước khác sau khi chia lợi nhuận. Các trích cho công phần ưu đãi thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại công phần ưu đãi.

2. Thông qua việc phân chia lợi nhuận: Hội đồng công đồng/Hội đồng thành viên quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật. Mức trích các khoản không vượt quá mức xuất của Hội đồng quản trị (nếu có công ty công phần).

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán các trích gì a khoản xét thấy việc trích này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.

4. Ngày chốt danh sách cổ đông/thành viên và ngày chi trả cổ tức, tháng:

a) Đối với công ty cổ phần: Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, tháng theo phương án của Hội đồng.

b) Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên: Hội đồng thành viên quyết định ngày chốt danh sách và ngày phân chia lợi nhuận, chia tháng.

5. Đối với công ty TNHH một thành viên: Chủ sở hữu quyết định vì cần đăng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 75. X lý lợi trong kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp có Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 76. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích lập lợi nhuận sau thuế lập các quỹ sau đây:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

GIA H N TH I H N HO T NG, T CH CL I, GI I TH VÀ PHÁ S N CÔNG TY

Điều 77. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp Hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty thông qua biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ gia hạn thêm khi có ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên trên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có

quy định quy t/thành viên có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i cu c h p i h i ng c ông/H i ng thành viên thông qua.

đ i u 78. T ch c l i Công ty

1. Công ty th c hi n h p nh t, sáp nh p, chuy n i sau khi c s ch p thu n c a UBCK.
2. Trình t , th t c h p nh t, sáp nh p, chuy n i th c hi n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t ch ng khoán và pháp lu t liên quan.

đ i u 79. Gi i th

1. Công ty gi i th ho c ch m d t ho t ng trong các tr ng h p sau:
 - a) H t th i h n ho t ng ghi trong i u l này nh ng không xin gia h n ho c xin gia h n nh ng không c c quan Nhà n c có th m quy n ch p thu n;
 - b) i h i ng c ông/H i ng thành viên/Ch s h u quy t nh gi i th Công ty tr c th i h n. Tr ng h p Công ty gi i th tr c th i h n ho t ng ph i c UBCK ch p thu n;
 - c) Công ty không còn s l ng c ông t i thi u (i v i công ty c ph n) trong th i h n sáu (06) tháng liên t c theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
 - d) UBCK thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng ho c b Tòa án tuyên b gi i th .

2. Công ty ch c gi i th khi b o m thanh toán h t các kho n n và ngh a v tài s n khác. Tr ng h p m t kh n ng thanh toán, Công ty ph i th c hi n gi i th theo quy nh c a Lu t phá s n và các v n b n h ng d n thi hành.

3. H i ng thành viên/H i ng qu n tr /Ch s h u công ty thành l p Ban thanh lý gi i quy t s tài s n c a Công ty t i th i i m gi i th . M i v n phát sinh trong quá trình gi i th do Ban thanh lý gi i quy t và ch u trách nhi m v các quy t nh c a mình tr c H i ng thành viên/H i ng qu n tr /Ch s h u công ty và pháp lu t.

đ i u 80. Phá s n

Vi c phá s n Công ty c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v phá s n i v i các doanh nghi p ho t ng trong l nh v c tài chính, ngân hàng.

Ch ng VII
TH TH CS A I V À B S U N G I U L

i u 81. B s u n g v à S a i i u l

1. Vi c s a i, b s u n g i u l n à y p h i c i h i n g c ô n g/H i n g t h à n h v i ê n/Ch s h u c ô n g t y x e m x é t q u y t n h.
2. Trong tr n g h p c ó n h q u y n h c a p h á p l u t c ó l i ê n q u a n h o t n g c a C ô n g t y c h a c c p h o c c ó n h q u y n h m i c a p h á p l u t k h á c v i n h n g i u k h o n t r o n g b n i u l n à y t h ì n h n g q u y n h c a p h á p l u t ó n g n h i ê n c á p d n g v à i u c h n h h o t n g c a C ô n g t y.

Ch ng VIII
H I U L C C A I U L

i u 82. Ngày hi u l c

1. B n i u l n à y g m ... Ch ng ... i u, c Ch s h u/H i n g t h à n h v i ê n/ i h i n g c ô n g C ô n g t y c p h n c h n g k h o á n/C ô n g t y T N H H c h n g k h o á n n h t r í t h ô n g q u a n g à y ... t h á n g ... n m ... t i ... v à c ù n g c h p t h u n h i u l c t o à n v n c a i u l .
2. i u l n à y c l p t h à n h ... b n (theo n h u c u), c ó g i á t r n h n h a u.
3. i u l n à y l à d u y n h t v à c h í n h t h c c a C ô n g t y.
4. C á c b n s a o h o c t r í c h l c i u l C ô n g t y p h i c ó c h k ý c a C h t c h H i n g t h à n h v i ê n/Ch t c h H i n g q u n t r h o c ít n h t m t p h n h a i (1/2) t n g s t h à n h v i ê n H i n g t h à n h v i ê n/H i n g q u n t r m i c ó g i á t r .
5. i u l n à y c ó h i u l c k t n g à y ... t h á n g ... n m
6. Ch k ý c a **C H S H U/T H À N H V I Ê N S Á N G L P/C Ô N G S Á N G L P H O C N G I I D I N T H E O P H Á P L U T C A C Ô N G T Y** (i v i t r n g h p s a i, b s u n g i u l) (K ý, g h i r õ h t ê n v à ó n g d u).

Ph 1 c XII
M U G I Y N G H C H P T H U N C H U Y N N H N G C
PH N/PH N V N GÓP

(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C N G H Ò A X Æ H I C H N G H A V I T N A M
c l p - T ò - H ã nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

G I Y N G H C H P T H U N C H U Y N N H N G C P H N / P H N
V N G Ó P

Kính g i: y ban Ch ã ng khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty ch ã ng khoán (tên y c a công ty ghi b ã ng ch ã in hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ã ng công ty ch ã ng khoán s : ... do y ban Ch ã ng khoán Nhà n c c p ngày ... tháng ... n m ...
- a ch tr s chính:
- i n tho i: Fax:...

ng h y ban Ch ã ng khoán Nhà n c ch p thu n cho vi c chuy n nh ã ng c ph n/ph n v n g ó p nh ã sau:

1. Bên chuy n nh ã ng
 - Tên cá nhân, t ch c:.....
 - Gi y ch ã ng nh ã ã ng ký kinh doanh s (i v i t ch c) do.....c p ngày.....tháng.....n m.....ho c s ch ã ng minh th ã nh ãn ãn/ s h chi u..... do..... c p ngày c p.....
 - S l ã ng c ph n/ph n v n g ó p ã ng n m gi :.....t l
 - S l ã ng c ph n/ph n v n g ó p chuy n nh ã ng:..... t l
2. Bên nh ãn chuy n nh ã ng:
 - Tên cá nhân, t ch c:.....
 - Gi y ch ã ng nh ã ã ng ký kinh doanh s (i v i t ch c) do.....c p ngày.....tháng.....n m.....ho c s ch ã ng minh th ã nh ãn ãn/ s h chi u..... do..... c p ngày c p.....
 - S l ã ng c ph n/ph n v n g ó p ã ng n m gi :.....t l
 - S l ã ng c ph n/ph n v n g ó p nh ãn chuy n nh ã ng:..... t l

Chúng tôi cam kết hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần (phần vốn góp) theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ đi kèm
(Liệt kê ý)

(Tờng) Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ph 1 c XIII
M U B Á O C Á O K T Q U C H U Y N N H Ñ G
 (Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
 c a B Tài chính)

C Ñ G H Ò A X Ā H I C H Ñ G H A V I T N A M
c l p - T ð o - H ñ h p h ú c

....., ngày..... tháng..... n m

B Á O C Á O K T Q U C H U Y N N H Ñ G

(Áp d ñ g cho tr ñ g h p báo cáo k t qu giao d ch chuy n ñ h ñ g tr thành c ñ ñ g/thành viên góp v n n m gi t 10% tr lên v n i u l ã góp c a công ty ch ñ g khoán)

Kính g i: y ban Ch ñ g khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty ch ñ g khoán (tên y c a công ty ghi b ñ g ch i n hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ñ g công ty ch ñ g khoán s :..... do y ban Ch ñ g khoán Nhà n c c p ngày ... tháng ... n m ...
- a ch tr s chính:
- i n tho i: Fax:...

Chúng tôi xin báo cáo y ban Ch ñ g khoán Nhà n c v k t qu chuy n ñ h ñ g ã c ch p thu n ñ h sau:

TT	H và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	S CMND/ h chi u/ Gi y KKD	Ngày c p	Qu c t ch	S l ñ g c p h n/ p h ñ g ó p v ñ		T l (%)	
					Tr c chuy n ñ h ñ g	Sau chuy n ñ h ñ g	Tr c chuy n ñ h ñ g	Sau chuy n ñ h ñ g
I	Bên chuy n ñ h ñ g							
II	Bên ñ h ñ chuy n ñ h ñ g							
	T ñ g c ñ g							

Chúng tôi cam k t ch u trách ñ h i m hoàn toàn v tính chính xác, trung th c c a n i dung báo cáo./.

Ng i i ñ i n theo pháp lu t c a công ty
 (Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph 1 c XIV
M U GI Y NGH T MNG NG HO T NG KINH DOANH
CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

GI Y NGH T MNG NG HO T NG
KINH DOANH CH NG KHOÁN

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

Chúng tôi là:

- Công ty (tên y và chính th c c a công ty ghi b ng ch in hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán s : ... do y ban Ch ng khoán Nhà n c c p ngày..... tháng.... n m.....
- a ch tr s chính:.....

- i n tho i:..... Fax:.....

ng h y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n cho công ty c t m
ng ng ho t ng kinh doanh ch ng khoán nh sau:

- Tên Công ty/chi nhánh/phòng giao d ch (tên y) ng h t m
ng ng.....
- a ch tr s chính/chi nhánh/phòng giao d ch.....
- Ngày d ki n t m ng ng:.....
- Ngày d ki n tr l i ho t ng.....
- Lý do t m ng ng:.....

Chúng tôi cam k t và liên i ch u trách nhi m hoàn toàn v tính chính
xác, trung th c c a n i dung Gi y ng h và h s kèm theo.

H s g i kèm:
(Li t kê y)

(T ng) Giám c
(Ký, óng d u, ghi rõ h tên)

Ph í c XV
M U G I Y NGH M TÀI KHO N GIAO D CH CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

G I Y NGH M TÀI KHO N GIAO D CH CH NG KHOÁN

- I. Thông tin v khách hàng
1. H và tên:.....
 2. Ngày.....tháng....n m sinh Gi í tính:.....
 3. Qu c t ch:.....
 4. S Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh/S ch ng minh nhân dân/h chỉ u..... ngày c p..... n í c p.....
 5. N í làm vi c....
 6. a ch liên l c....
 7. í n tho í liên l c.....
 8. S tài kho n ngân hàng.....n í m tài kho n.....
 9. Gi y t kèm theo (li t kê chi tí t)
- II. Thông tin liên quan n giao d ch ch ng khoán
1. Lo í ch ng khoán giao d ch
 2. Ph ng th c giao d ch
 3. Ph ng th c thông báo k t qu giao d ch
 4. Ph ng th c nh n sao kê hàng tháng
 5. Ph ng th c kh u tr thu thu nh p
- III. Thông tin v ch ng khoán và ki n th c u t ch ng khoán c a khách hàng
1. M c tiêu u t
 2. M c ch p nh n r í ro
 3. Kinh nghi m và ki n th c v u t
 4. Tài kho n t í công ty ch ng khoán khác (s tài kho n giao d ch, n í m tài kho n)
 5. Tên công ty í chúng mà khách hàng n m gi í ch c danh qu n lý
 6. Tên công ty í chúng mà khách hàng là c ông l n
- IV. Thông tin v ng í có quy n th h ng liên quan
1. H và tên:.....
 2. Ngày.....tháng....n m sinh Gi í tính:.....

3. Qu c t ch:.....
 4. S ch ng minh nhân dân/h chi u..... ngày c p..... n i c p.....
 5. M i quan h v i khách hàng:.....
 6. i n tho i liên l c.....
- V. Thông tin v ng i y quy n giao d ch (n u có):
1. H và tên:.....
 2. Ngày.....tháng....n m sinh Gi i tính:.....
 3. Qu c t ch:.....
 4. S ch ng minh nhân dân/h chi u..... ngày c p..... n i c p.....
 5. M i quan h v i khách hàng:.....
 6. i n tho i liên l c.....
 7. Gi y t kèm theo (li t kê chi tí t)
- VI. Thông tin v ng i t v n m tài kho n và giao d ch ch ng khoán:
1. H và tên:.....
 2. S ch ng ch hành nghlo i.....
 3. Quan h gi a ng i t v n và khách hàng.

Ph l c XVI
CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỢP NG M TÀI KHO N GIAO
D CH CH NG KHOÁN GI A CÔNG TY CH NG KHOÁN VÀ
KHÁCH HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)*

Các bên tham gia ký k t h p ng:

- Tên, a ch công ty ch ng khoán, tên ng i i di n công ty;
- Tên, a ch, s ch ng minh nhân dân/s h chi u/s gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, ngày c p, n i c p c a khách hàng;

ì u kho n v các tho thu n c th :

- Các cách th c nh n l nh c a công ty;
- T l ký qu t mua/bán ch ng khoán c áp d ng;
- Th a thu n v lãi su t trên s đ t i ng i giao d ch ch ng khoán;
- Th i h n, cách th c x lý tài s n trong tr ng h p khách hàng không có kh n ng thanh toán úng h n;
- Tho thu n v th i gian và ph ng th c chuy n i t ngo i t sang ng Vi t Nam trong tr ng h p chuy n t i n giao d ch ch ng khoán b ng ngo i t .

ì u kho n v quy n và ngh a v các bên tham gia:

- Quy n và ngh a v c a khách hàng (s h u t i n, ch ng khoán và các kho n l i nhu n, quy n và l i ích h p pháp khác g n li n v i s t i n, ch ng khoán ó; cung c p thông tin theo yêu c u c a công ty, tr phí giao d ch.....)
- Quy n và ngh a v c a công ty ch ng khoán (thu phí giao d ch, l u ký, th c hi n các y quy n h p pháp khác theo th a thu n v i khách hàng; l u gi , b o qu n t i n, ch ng khoán cho khách hàng, th c hi n giao d ch, b o m t thông tin, cung c p thông tin theo yêu c u c a khách hàng....).

ì u kho n v các tho thu n khác:

- Trách nhi m do vi ph m h p ng, ì u kho n này nêu rõ:
 - Khách hàng c b i th ng thi t h i n u công ty vi ph m ngh a v quy nh t i H p ng này;
 - M c b i th ng thi t h i: do các bên th a thu n c th ho c theo quy nh c a pháp lu t.
- Cách th c x lý tài kho n trong tr ng h p công ty rút nghi p v môi gi i, gi i th ho c b thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng;
- Các tr ng h p ch m đ t h p ng tr c th i h n;
- Th i h n có hi u l c c a h p ng;
- Gi i quy t tranh ch p phát sinh;
- Các tho thu n khác theo th a thu n phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

Ph 1 c XVII
M U BÁO CÁO TÌNH HÌNH TI NG I GIAO D CH CH NG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

Tên công ty ch ng khoán

C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

S :.....(s công v n)
 V/v báo cáo tình hình tài kho n
 và ti n g i giao d ch ch ng khoán

....., ngày.....tháng.....n m

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

Công ty ch ng khoán... báo cáo tình hình tài kho n giao d ch ch ng
 khoán và ti n g i thanh toán giao d ch ch ng khoán c a khách hàng m tài
 kho n t i Công ty vào th i i m.....

1. S l ng tài kho n c a nhà u t ;

Lo i khách hàng		S l ng
Trong n c	Cá nhân	
	T ch c	
N c ngoài	Cá nhân	
	T ch c	
T ng		

2. Ti n g i giao d ch ch ng khoán c a nhà u t :

n v tính: ng

STT	Ngân hàng nh n ti n g i	S d trên tài kho n
1	Ngân hàng.... - Tài kho n s
2	Ngân hàng..... - Tài kho n s	
	T ng

*Ghi chú: 02 s li u trên ph i c ch t vào cùng th i i m cu i ngày làm vi c li n
 tr c ngày báo cáo.*

Chúng tôi cam kết với tính chính xác công nghệ chịu trách nhiệm với tính chính xác các số liệu nói trên.

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ph trách bộ phận kiểm
soát nội bộ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ph 1 c XVIII
M U G I Y N G H C H U Y N I C Ô N G T Y C H N G K H O Á N
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C N G H Ò A X ã H Ì C H N G H A V Ì T N A M
c l p - T ò - H ã nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

G I Y N G H C H U Y N I C Ô N G T Y C H N G K H O Á N

Kính g i: y ban Ch ã ng khoán Nhà n c

Thông tin v công ty tr c khi chuy n i:

- Công ty (tên y c a công ty ghi b ã ng ch ã in hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ã ng công ty ch ã ng khoán s :..... do y ban Ch ã ng khoán Nhà n c c p ngày.... tháng.... n m....
- Nghi p v ã kinh doanh:.....
- H ãnh th c pháp lý:.....
- a ch tr s chính:.....
- Ng ã i ã i ã n theo pháp lu t c a Công ty:.....
- V n ã i u l :.....
- ã i n tho ã : Fax:...

ng h y ban Ch ã ng khoán Nhà n c ch p thu n cho công ty chuy n ã i v ã n ã i dung nh ã sau:

- Công ty (tên y c a công ty sau chuy n ã i ghi b ã ng ch ã in hoa)...
- H ãnh th c pháp lý:....
- Nghi p v ã kinh doanh:.....
- Ng ã i ã i ã n theo pháp lu t c a Công ty:.....
- a ch tr s chính:.....
- V n ã i u l :.....

Lý do ã ng chuy n ã i công ty ch ã ng khoán:

Chúng tôi cam k t sau khi công ty chúng tôi chuy n ã i công ty ch ã ng khoán, chúng tôi s ã hoàn t t các th t c liên quan và th c hi ã n ho t ã ng giao d ch ch ã ng khoán theo ã ng pháp lu t.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung Giấy này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:
(Liệt kê)

Người đi n theo pháp luật của công ty
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ph 1 c XIX
M U G I Y N G H C H P T H U N H P N H T, S Á P N H P C Œ N G
T Y C H N G K H O Á N
(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

C N G H O A X Æ H I C H N G H A V I T N A M
c l p - T ò - H ã nh phúc

....., ngày..... tháng..... n m

G I Y N G H H P N H T, S Á P N H P C Œ N G T Y C H N G K H O Á N

***Kính g i:* y ban Ch ã ng khoán Nhà n c**

Thông tin v các công ty tham gia h p nh t, sáp nh p: (T t c các công ty ch ã ng
khoán tham gia h p nh t, sáp nh p ph i ghi y các thông tin nh sau)

- Công ty (tên y và chính th c c a công ty ghi b ã ng ch ã n hoa)
- Gi y phép thành l p và ho t ã ng công ty ch ã ng khoán s :..... do y ban
Ch ã ng khoán Nhà n c c p ngày.... tháng.... n m....
- Nghi p v ã kinh doanh:.....
- Hình th c pháp lý:.....
- a ch tr s chính:.....
- Ng i ã i di ã n theo pháp lu t c a Công ty:.....
- V n i u l :.....
- ã i n tho i: Fax:...

ng y ban Ch ã ng khoán Nhà n c ch p thu ã n cho công ty chúng tôi h p
nh t, sáp nh p v ã i n ã i dung nh sau:

- Tên công ty ch ã ng khoán hình thành sau h p nh t sáp nh p:.....
- Nghi p v ã kinh doanh:.....
- Hình th c pháp lý:.....
- a ch tr s chính:.....
- Ng i ã i di ã n theo pháp lu t c a Công ty:.....
- V n i u l :.....

Lý do h p nh t, sáp nh p:.....

Ng i ã i di ã n liên h :

1. H và tên

2. Số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu..... ngày cấp..... nơi cấp.....
3. Địa chỉ
4. Số điện thoại liên hệ
5. Email.....

Chúng tôi cam kết sau khi chúng tôi hợp nhất, sáp nhập công ty chứng khoán, chúng tôi sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và thực hiện hoạt động giao dịch chứng khoán theo đúng pháp luật.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung Giấy yêu cầu và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê yêu cầu)

Công ty chứng khoán 1

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Công ty chứng khoán 2

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ph í c XX
M Ớ T S Ớ N Ớ DUNG CHÍNH TRONG H Ớ P Ớ NG H Ớ P NH Ớ T, SỚP NH Ớ P
(Ban hành kèm theo Thông t ớ s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n ớ m 2012
c ớ a B Ớ Tài chính)

1. Thông tin v ớ các công ty ch ớ ng khoán tham gia h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p

- Tên ớ y ớ , tên vi t t t, tên giao d ớ ch tí ng Vi t, tí ng Anh, ớ a ch tr ớ s chính; website; H ớ tên Ch ớ t ch H ớ i ớ ng qu n tr ớ , H ớ i ớ ng thành viên ho c Ch ớ t ch Công ty; T ớ ng giám ớ c, Ng ớ i ớ i di n theo pháp lu t;

- V n ớ i u l ớ , v n ớ i u l ớ th c góp, s ớ l ớ ng c ớ phi u có quy n bi u quy t ớ ang l u hành, các lo ớ i ch ớ ng khoán khác ớ ã phát hành và s ớ l ớ ng t ớ ng lo ớ i (n u có);

- Thông tin v ớ các m ớ i liên h ớ gi ớ a các t ớ ch c b h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p: quan h ớ s h Ớ u chéo và các m ớ i quan h ớ ng ớ i có liên quan; quan h ớ kinh doanh và các quan h ớ khác v ớ i bên th Ớ ba;

2. Thông tin v ớ công ty ch ớ ng khoán sau h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p

- Tên ớ y ớ , tên vi t t t, tên giao d ớ ch tí ng Vi t, tí ng Anh, ớ a ch tr ớ s chính; ph Ớ m vi ho t ớ ng kinh doanh c ớ a t ớ ch c kinh doanh sau h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p; Ch ớ t ch H ớ i ớ ng qu n tr ớ , H ớ i ớ ng thành viên, ho c Ch ớ t ch Công ty; T ớ ng Giám ớ c, Ng ớ i ớ i di n theo pháp lu t;

- C ớ c u ng u n v n và tài s Ớ n sau h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p; s ớ l ớ ng c ớ phi u đ ớ ki n l u hành, giá tr ớ ph n v n góp đ ớ ki n sau h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p;

3. Các ớ i u kho n chi tí t c ớ a h Ớ p ớ ng

- Hình th Ớ c h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p, ph Ớ ng pháp k Ớ toán h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p; ngày h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p đ ớ ki n; ngày b Ớ t ớ u tí p nh n bàn giao m ớ i quy n, ngh Ớ a v ớ tài s Ớ n t ớ các t ớ ch c h Ớ p nh Ớ t, sỚp nh Ớ p;

- T ớ l ớ chuy n ớ i đ ớ ki n, các tr Ớ ng h Ớ p ph Ớ i ớ i u ch nh và m c ớ i u ch nh t ớ l ớ chuy n ớ i và t ớ ch c ớ c quy n ra quy t ớ nh ớ i u ch nh t ớ l ớ chuy n ớ i ớ c ớ i h ớ i ớ ng c ớ ông thông qua, H ớ i ớ ng thành viên, ch ớ s h Ớ u công ty thông qua;

- Trình t ớ , th Ớ t c, t ớ ch c th Ớ c hi n vi c chuy n ớ i c Ớ ph n, ph n v n góp; l Ớ p danh sách và xác nh n quy n s Ớ h Ớ u c Ớ ph n, ph n v n góp c Ớ a các c Ớ ông, thành viên góp v n;

- Ph ng án x lý i v i giao d ch c phi u qu ; tr ng h p phát hành t ng v n ho c các ho t ng làm thay i tình hình tài chính c a công ty ch ng khoán b h p nh t, sáp nh p; tr ng h p có thêm công ty ch ng khoán ng ký tham gia h p nh t, sáp nh p;

- Ph ng án x lý trong tr ng h p c ông, bao g m c c ông u ãi không có quy n bi u quy t, trái ch , thành viên góp v n yêu c u mua l i ch ng khoán; Trách nhi m thông báo cho ch n và ph ng án x lý trong tr ng h p ch n yêu c u hoàn tr các kho n vay ho c yêu c u th a thu n các i u kho n b o m kh n ng chi tr ;

- Ph ng án s d ng ng i lao ng và các ch c danh qu n lý: i u ki n làm vi c, ch ãi ng , quy n l i và ngh a v c a ng i lao ng; thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Ch s h u, Ban Ki m soát;

- Tr ng h p công ty ch ng khoán hình thành sau h p nh t, sáp nh p d ki n không th c hi n m t s nghi p v kinh doanh ch ng khoán mà t ch c b h p nh t, sáp nh p ang th c hi n: Ph ng án và trách nhi m bàn giao vi c th c hi n các h p ng kinh doanh ch ng khoán còn hi u l c, i u ki n bàn giao h p ng cho các bên có liên quan (n u có);

- Các hành vi b c m th c hi n trong th i gian k t ngày i h i c ông, h i ng thành viên, ch s h u thông qua n i dung H p ng t i Ngày h p nh t, sáp nh p;

- Các n i dung liên quan t i thu và các ngh a v tài chính i v i Nhà n c;

- Thông tin v các tranh ch p, khi u ki n và các v n pháp lý khác liên quan t i công ty ch ng khoán b h p nh t, sáp nh p;

- Các ph ng án x lý và/ho c b i th ng trong tr ng h p m t bên n ph ng h y b th a thu n h p nh t, sáp nh p;

- Các v n khác n u có liên quan.

Ph 1 c XXI

M T S N I DUNG CHÍNH TRONG PH NG ÁN H P NH T, SÁP NH P

(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

1. Thông tin v các công ty ch ng khoán tham gia h p nh t/sáp nh p

- Tên y , tên vi t t t, tên giao d ch tí ng Vi t, tí ng Anh, a ch tr s chính; website c a các công ty ch ng khoán b h p nh t, sáp nh p; Danh sách thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u; Ban ki m soát, T ng giám c, Ng i i di n theo pháp lu t;

- Danh sách các c ông, thành viên góp v n vào các công ty ch ng khoán b h p nh t/ sáp nh p/ sáp nh p s h u t 1% v n i u l tr lên (theo m u t i Ph 1 c V);

- Tóm t t tình hình tài chính và ho t ng c a công ty ch ng khoán b h p nh t, sáp nh p trong 03 n m g n nh t, ho c trong su t th i gian ho t ng (tr ng h p công ty ch ng khoán ho t ng d i ba 03 n m);

- C c u ngu n v n và tài s n; v n i u l , s l ng c phi u có quy n bi u quy t ang l u hành, các lo i ch ng khoán khác ã phát hành và s l ng t ng lo i (n u có); s l ng c phi u qu ; s c ph n, giá tr ph n v n góp vào các công ty ch ng khoán khác c ng tham gia h p nh t, sáp nh p;

2. Thông tin v công ty ch ng khoán sau h p nh t, sáp nh p

- Tên y , tên vi t t t, tên giao d ch tí ng Vi t, tí ng Anh, a ch tr s chính; ph m vi ho t ng kinh doanh c a t ch c kinh doanh h p nh t, sáp nh p; Danh sách thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Ban Ki m soát; đ ki n nhân s qu n lý (T ng Giám c, Phó T ng Giám c); c c u t ch c, ho t ng và qu n lý; danh sách các a i m kinh doanh bao g m a ch tr s chính, phòng giao d ch, v n phòng i di n;

- C c u ngu n v n và tài s n sau h p nh t, sáp nh p; s l ng c phi u đ ki n l u hành, giá tr ph n v n góp đ ki n sau h p nh t, sáp nh p;

- Thông tin về các mối liên hệ giữa các tổ chức bên ngoài bao gồm: quan hệ sử dụng chéo và quan hệ nội có liên quan khác; quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác về nội bộ.

3. Thông tin về việc hình thành, sắp xếp

- Mục đích hình thành, sắp xếp; hình thức hình thành, sắp xếp; chi phí hình thành, sắp xếp; phương pháp kế toán hình thành, sắp xếp;

- Các phương pháp xác định giá trị phần, phần vốn góp và hình thức phát hành phương pháp (nếu có); giá trị phần, phần vốn góp, trái phiếu chuyển nhượng; tài sản chuyển nhượng, phần vốn góp, trái phiếu chuyển nhượng; các trường hợp bất thường của chi phí chuyển nhượng và mục đích chuyển nhượng; thị trường, thị trường và điều kiện chuyển nhượng tài sản; tương tự như trên về mặt phần, phần vốn góp trước và sau hình thành, sắp xếp; so sánh giá trị thực, giá trị hợp lý về giá trị sau khi chuyển nhượng;

- Lịch sử hình thành, sắp xếp: ngày đăng ký hình thành, sắp xếp, ngày hình thành, sắp xếp đăng ký; trình tự, thị trường, điều kiện, tổ chức thực hiện chuyển nhượng, phần vốn góp, trái phiếu chuyển nhượng;

- Thị trường, thị trường thực hiện về nghiệp vụ kế toán (trong trường hợp công ty kế toán bên ngoài, sắp xếp có kế toán nghiệp vụ tại Sở Giao dịch Chứng khoán); thị trường chứng khoán, lưu ký (trường hợp tổ chức bên ngoài, sắp xếp chứng khoán, lưu ký);

- Phương án huy động vốn, trong trường hợp tổ chức bên ngoài, sắp xếp không nắm giữ tài chính bổ sung quy định của các bên có liên quan phần, không ngừng việc hình thành, sắp xếp;

- Thị trường điều kiện mà các hoạt động kinh doanh của công ty kế toán bên ngoài, sắp xếp bất thường của kế toán tại kế toán của công ty kế toán hình thành, sắp xếp.

4. Phương án bổ sung quy định, lợi ích hình thành pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan

- Điều kiện công, thành viên góp vốn: trách nhiệm mua lại phần, phần vốn góp của công, thành viên góp vốn phần về việc hình thành, sắp

nh p; nguyên t c xác nh giá mua l i; th i gian đ ki n th c hi n mua l i; th t c, i u ki n mua l i, hình th c thanh toán, ngu n v n thanh toán;

- i v i trái ch : trách nhi m mua l i trái phi u theo quy nh t i i u ki n phát hành (n u có);

- i v i ch n : cam k t và ph ng án thanh toán n ;

- i v i ng i lao ng và các ch c danh qu n lý: i u ki n làm vi c, ch ãi ng , quy n l i và ngh a v c a ng i lao ng; thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Ch s h u, Ban Ki m soát;

- i v i khách hàng: Ph ng án x lý các h p ng kinh doanh ch ng khoán còn hi u l c, vi c bàn giao th c hi n h p ng còn hi u l c cho công ty ch ng khoán thay th , i u ki n bàn giao h p ng, ngu n v n và chi phí b i th ng cho các bên có liên quan (n u có).

5. Quy n và ngh a v c a công ty ch ng khoán b h p nh t, sắp nh p v các v n có th nh h ng t i giá tr tài s n doanh nghi p và t l chuy n i trong th i gian k t khi H p ng c ký k t t i Ngày h p nh t, sắp nh p: i u ki n giao đ ch mua c phi u qu , ngo i tr tr ng h p mua c phi u t các c ông ph n i vi c h p nh t, sắp nh p; b sung công ty ch ng khoán tham gia vi c h p nh t, sắp nh p; thay i v n i u l ho c các ho t ng làm thay i tình hình tài chính c a công ty ch ng khoán b h p nh t, sắp nh p; thông tin v các tranh ch p, khi u ki n và các v n t ng ng mà công ty ch ng khoán b h p nh t, sắp nh p ang tham gia.

6. Th m quy n quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên liên quan t i vi c i u ch nh t l chuy n i, phê duy t H p ng h p nh t, sắp nh p và các v n quan tr ng khác có nh h ng t i c ông, thành viên góp v n; các tr ng h p bu c ph i l y l i ý ki n i h i ng c ông, H i ng thành viên.

7. Các n i dung s a i t i i u l Công ty h p nh t, sắp nh p.

8. Các n i dung liên quan t i thu và các ngh a v tài chính i v i Nhà n c.

9. Các ph ng án x lý và/ho c b i th ng trong tr ng h p m t bên b h p nh t, sắp nh p n ph ng h y b th a thu n h p nh t, sắp nh p.

Ph 1 c XXII

M U BÁO CÁO TÌNH HÌNH HO T NG THÁNG

(Ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

Tên công ty ch ng khoán C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

S :.....(s công v n)
V/v báo cáo ho t ng tháng....
n m.....
....., ngày.....tháng.....n m

Kính g i: y ban Ch ng khoán Nhà n c

I. Tình hình nhân s và c ông c a công ty ch ng khoán

1. Tình hình nhân s :

i t ng	S l ng ng i làm vi c u tháng	S l ng ng i làm vi c cu i tháng	S l ng ng i có ch ng ch hành ngh u tháng	S l ng ng i có ch ng ch hành ngh t ng/gi m trong tháng		S l ng ng i có ch ng ch hành ngh cu i tháng
				T ng	Gi m	
A. Tr s chính 1. Ban Giám c: 2. B ph n môi gi i: 3. B ph n t doanh 4. B ph n b o lãnh phát hành 5. B ph n t v n u t						
B. Chi nhánh 1. Chi nhánh...(tên chi nhánh): - Giám c chi nhánh - B ph n môi gi i - B ph n t v n 2. Chi nhánh...(tên chi nhánh) - Giám c chi nhánh - B ph n môi gi i - B ph n t v n						
C. Phòng giao d ch 1. Phòng giao d ch...(tên phòng giao d ch) 2. Phòng giao d ch...(tên phòng giao d ch)						
B ph n khác						
T ng s						

2. Tình hình công/ thành viên góp vốn chiếm 5% vốn điều lệ của công ty chi nhánh*

TT	Thông tin về công				Thông tin về tài khoản			
	H và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CN KKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Ưu đãi		Ưu đãi	
					Số tiền góp	Tỷ lệ vốn điều lệ	Số tiền góp	Tỷ lệ vốn điều lệ
1.	...							

* Công ty chi nhánh mời thành viên không phải báo cáo mức này.

II. Mạng lưới:

1. Mạng lưới:

TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa chỉ	Ghi chú
1	Chi nhánh			
2	Phòng giao dịch			
3	Văn phòng điều hành			

2. Các thay đổi liên quan trong tháng:

TT	Thay đổi	Trụ sở chính	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Văn phòng điều hành
1	Địa chỉ				
2	Ông chủ (theo số)				
3	Lưu ý (theo số)				
4	Tên gọi (theo số)				
5	Người điều hành theo pháp luật hoặc người điều hành (theo số)				
6	Tổ chức kinh doanh				
7	Thay đổi nghiệp vụ kinh doanh (số theo trụ sở chính, theo chi nhánh, theo phòng giao dịch)				

III. Tình hình hoạt động của công ty chi nhánh

1. Hoạt động môi giới chi nhánh

1.1. Môi giới chi nhánh niêm yết, ký giao dịch

a) Số tài khoản

Loại khách hàng	Ưu đãi	Phát sinh trong tháng		Ưu đãi	Số tài khoản có phát sinh giao dịch trong tháng
		Tổng	Giới		
Trong nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Ngoài nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Tổng					

b) Số dư tín dụng giao dịch chung khoản của khách hàng

nv: ng

Loại khách hàng		Đu tháng	Phát sinh trong tháng		Đcu i tháng
			T ng	Gi m	
Trong n c	Cá nhân				
	T ch c				
N c ngoài	Cá nhân				
	T ch c				
T ng					

c) y thác quyền lý tài khoản giao dịch chung khoản của nhà u t cá nhân

Loại khách hàng	T ng s tài kho n y thác u tháng	Phát sinh trong tháng		Cu i tháng	Giá tr y thác (tri u ng)	Phí y thác thu c trong tháng (ng)
		T ng	Gi m			
Trong n c						
N c ngoài						
T ng						

d) Tình hình giao dịch

TT	Loại ch ng khoản	T ng mua t u n m		T ng bán t u n m		Mua trong tháng		Bán trong tháng		T ng mua cu i k		T ng bán cu i k	
		KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)
I	T ng c phi u												
	Trong n c												
	N c ngoài												
II	T ng trái phi u												
	Trong n c												
	N c ngoài												
III	T ng ch ng ch qu												
	Trong n c												
	N c ngoài												
IV	T ng ch ng khoản khác												
	Trong n c												
	N c ngoài												
	T ng c ng (I+II+III+IV)												

1.2 Môi gi i ch ng khoán ch a niêm y t, ng ký giao d ch

Ch ng khoán	Th i gian th c hi n	Kh i l ng	Giá tr
1. T ng c phi u			
Công ty...			
2. T ng trái phi u			
.....			
3. T ng ch ng ch qu			
.....			
4. Ch ng khoán khác			
.....			
T ng c ng:			

Ghi chú: báo cáo chi ti t theo t ng t ch c phát hành.

1.3 Tình hình giao d ch ký qu ch ng khoán

TT	N i dung	u tháng	Cu i tháng
1	S l ng tài kho n giao d ch ký qu		
2	H n m c tín d ng cho giao d ch ký qu		
3	D n cho vay giao d ch ký qu		
4	Giá tr ch ng khoán ký qu		
5	5 (n m) mã ch ng khoán có s d n l n nh t		
6	Ngu n v n tài tr giao d ch ký qu : - V n ch s h u - V n vay		
7	Doanh thu t ho t ng giao d ch ký qu : - Ti n lãi - Phí giao d ch - Các kho n thu khác		

1.4 T ng phí môi gi i thu c:

TT	Phí môi gi i	n v tính (ng)
1	T giao d ch ch ng khoán t i S GDCK Tp. HCM	
2	T giao d ch ch ng khoán t i S GDCK Tp. Hà N i	
3	T giao d ch ch ng khoán khác:	
	C ng	

2. Ho t ng t doanh ch ng khoán, u t tài chính

2.1 Tình hình giao d ch ch ng khoán niêm y t, ch ng khoán ng ký giao d ch trên tài kho n t doanh

Loại CK	T ng mua t un m		T ng bán t un m		Mua trong tháng		Bán trong tháng		T ng mua cu i k		T ng bán cu i k	
	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)	KL	GT (Tri u ng)
C phi u												
Trái phi u												
CC qu												
T ng												

2.2 Tình hình u t

TT	Tên t ch c nh n u t t công ty ch ng khoán	Giá tr u t u k (tri u ng)	Giá tr u t t ng trong k (tri u ng)	Giá tr u t gi m trong k	Tông giá tr cu i k (tri u ng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)-(5)
	Công ty....				

L u ý: giá tr u t ghi nh n theo giá h ch toán mà công ty ch ng khoán l a ch n.

2.3 Tình hình n m gi ch ng khoán

T T	Loại ch ng khoán	Ch ng khoán n m gi vào th i i m báo cáo				T ng s ch ng khoán angl u hành c a t ch c phát hành vào th i i m báo cáo	T l u t (%)
		S l ng	Giá mua vào	Giá tr th tr ng t i th i i m báo cáo	T l t ng tr ng tài s n u t (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)=(5)/(4)}{*100}$	(7)	$\frac{(8)=(3)/(7)}{*100}$
A	Ch ng khoán th ng m i						
I	Ch ng khoán niêm y t, ng ký giao d ch						
1	C phi u A B ...						
2	Trái phi u A B ...						
3	Ch ng ch qu A B ...						

T T	Loại hình khoản	Chi nhánh n m ghi vào th i i m báo cáo				T ng s ch ng khoản ang l u hành c a t ch c phát hành vào th i i m báo cáo	T l u t (%)
		S l ng	Giá mua vào	Giá tr th tr ng t i th i i m báo cáo	T l t ng tr ng tài s n u t (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$(6)=(5)/(4) * 100$	(7)	$(8)=(3)/(7) * 100$
II	<i>Chi nhánh ch a niêm y t</i>						
1	C phi u A B ...						
2	Trái phi u A B ...						
3	CC qu A B ...						
4	Chi nhánh khác						
B	Các kho n u t , góp v n khác
	T ng c ng:

*** Ghi chú:**

C t (2) lo i ch ng khoản c ghi c th theo mã ch ng khoản (i v i ch ng khoản niêm y t và ng ký giao d ch) và c phân lo i theo ch ng khoản u t ng n h n, ch ng khoản u t dài h n c a công ty ch ng khoán th c hi n theo ch k toán công ty ch ng khoán.

C t (3) là các ch ng khoản hi n CTCK ang n m gi , không bao g m ch ng khoản ang v tài kho n.

C t (4) tính theo giá mua vào/giá góp v n theo h p ng;

C t (5) tính theo giá óng c a ho c giá giao d ch bình quân t i th i i m báo cáo ho c giá tr h p lý i v i ch ng khoản ch a niêm y t, ng ký giao d ch.

i v i trái phi u, không ph i tính c t (7), (8).

Ph i lo i tr ch ng khoán n m gi thu c các giao d ch k h n ch ng khoán kh i m c này.

Các kho n u t , góp v n khác c kê chi t i t theo các kho n thành l p công ty con, công ty liên doanh liên k t, các kho n u t khá

3. Hồ sơ báo lãnh phát hành chứng khoán

Tên chứng khoán phát hành	Loại chứng khoán báo lãnh	Hình thức báo lãnh	Tổng giá trị báo lãnh	Thời gian báo lãnh (từ ... đến...)	Vấn đề xử lý*	Tổng giá trị vốn hòng**	Phí báo lãnh thực (đ thu)

* Vấn đề xử lý, tài sản công ty, nợ công ty chứng khoán theo báo cáo tài chính quý gần nhất hiện tại ký hợp đồng báo lãnh

** Tổng giá trị vốn hòng = (tài sản công ty - nợ công ty) x 15

4. Hồ sơ tài vụ chứng khoán và tài vụ tài chính

Loại tài vụ	Số hợp đồng ký tháng	Số hợp đồng thanh lý trong tháng	Số hợp đồng ký mới trong tháng	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối tháng	Phí thực thu trong tháng
I. Tài vụ chứng khoán					
II. Tài vụ tài chính					
1. Tài vụ ..					
2. Tài vụ ..					
3. Tài vụ ..					
Cộng					
III. Dịch vụ khác:					
1.					
2.					
Cộng					
Tổng cộng					

IV. Tình hình tài chính:

1. Tóm tắt trạng thái tài sản

Tài sản	Tháng	Cuối tháng	Nguồn vốn	Tháng	Cuối tháng
A. Tài sản công ty			A. Nguồn vốn		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền			I. Nguồn vốn - Vay công ty - Phí trả hoạt động giao dịch chứng khoán - Phí trả công ty khác		
II. Các khoản đầu tư tài chính công ty - Đầu tư ngắn hạn: - Dự phòng đầu tư ngắn hạn:			II. Nguồn dài hạn - Nguồn dài hạn - Phí trả dài hạn		

Tài s n	u tháng	Cu i tháng	Ngũ n v n	u tháng	Cu i tháng
III. Các kho n ph i thu ng n h n - Ph i thu ng n h n có th i h n thanh toán còn l i trên 90 ngày - Ph i thu ng n h n có th i h n thanh toán còn l i t 90 ngày tr xu ng - D phòng các kho n ph i thu			IV. V n ch s h u - V n ut c a ch s h u - Th ng d v n c ph n - C phí u qu - Qu ut phát tri n, Qu d phòng tài chính - L i nhu n ch a phân ph i		
V. Hàng t n kho					
VI. Tài s n ng n h n khác					
B. Tài s n dài h n					
I. Các kho n ph i thu dài h n					
II. Tài s n c nh					
III. B t ng s n ut					
IV. Các kho n ut tài chính dài h n - ut vào công ty con - ut vào công ty liên doanh, liên k t - ut tài chính dài h n - ut dài h n khác - D phòng ut tài chính dài h n					
V. Tài s n dài h n khác					
T ng tài s n			T ng ngũ n v n		

2. K t qu kinh doanh

STT	Kho n m c	Trong tháng	L y k trong n m
1	Doanh thu t các ho t ng kinh doanh		
2	T ng chi phí: - Chi phí cho ho t ng kinh doanh - Chi phí qu n lý doanh nghi p		
3	L i nhu n tr c thu		

V. Các v ng m c phát sinh và ki n ngh :

Ng i l p báo cáo
(Ký, ghi rõ h tên)

**Ph trách b ph n ki m
soát n i b**
(Ký, ghi rõ h tên)

(T ng) Giám c
(Ký, ghi rõ h tên, óng d u)

Ph 1 c XXIII
M U B Á O C Á O N M C A C Ô N G T Y C H Ñ N G K H O Á N
(Ban hành kèm theo Thông t s 210 /2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 n m 2012
c a B Tài chính)

Tên công ty ch ñ ng khoán

C Ñ N G H Ò A X Ñ H I C H Ñ N G H A V I T N A M
c l p - T ñ o - H ñ n h p h ú c

S :.....(s công v n)
 V/v báo cáo ho t ñ g kinh
 doanh n m...

....., ngày.....tháng.....n m

Kính g i: y ban Ch ñ ng khoán Nhà n c

I. T ch c và nhân s công ty trong n m

1. T ch c công ty:

a) M ñ g l i:

TT	M ñ g l i	Tên g i	a ch
1	Tr s chính		
2	Chi nhánh - Chi nhánh 1: - Chi nhánh 2: -		
3	Phòng giao d ch: - Phòng giao d ch 1 - Phòng giao d ch 2 - Phòng giao d ch ...		
4	V n phòng i ñ n - V n phòng i ñ n 1 - V n phòng i ñ n....		

Ghi chú: thông tin c a b ñ g trên là thông tin t i th i i m báo cáo

b) Các thay i v t ch c liên quan trong n m:

- Tr i n khai m ho c óng các chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i ñ n (*Li t kê chi ti t*);
- Thay i a i m tr s chính, chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i ñ n (*Li t kê chi ti t*);
- Thay i tên g i, nghi p v Công ty, chi nhánh, phòng giao d ch (*Li t kê chi ti t*);
- Th c hi n chia, tách, sáp nh p, h p nh t, chuy n i công ty.

2. Tình hình nhân s công ty

a) Tình hình nhân s qu n lý:

ít ng	H và tên/Ch c đanh u k	H và tên/Ch c đanh cu i k	Ngày thay i	Lí do thay i
Thành viên H QT/ H TV/Ch t ch công ty				
Thành viên Ban giám c				
Thành viên Ban ki m soát				

b) V ng i làm vi c trong công ty:

ít ng (Li t kê y h tên i v i ng i có CCHN t i th i i m cu i k)	S l ng ng i có CCHN/t ng s ng i làm vi c t i th i i m un m	S l ng ng i có CCHN thôi làm vi c cho công ty trong n m	S l ng ng i có CCHN tuy n m i trong n m	S l ng ng i có CCHN/t ng s ng i làm vi c t i th i i m cu i n m	S CCHN c a ng i có CCHN cu i n m
Ban Giám c					
B ph n môi gi i					
B ph n t doanh					
B ph n b o lãnh phát hành					
B ph n t v n u t ch ng khoán					
B ph n khác					
T ng s					

*Ghi chú: s li u c a b ng này là s li u c a toàn công ty (bao g m t t c các a i m kinh doanh c a công ty).

II. T l s h u c a c ông/thành viên góp v n n m gi t 5% v n i u l c a công ty ch ng khoán*

T T	H và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	S gi y CMND/s Gi y CN KKD	Ngày c p	S l ng c ph n/ph n v n góp	T l n m gi so v i v n i u l	T ng/ gi m

* Công ty ch ng khoán m t thành viên không ph i báo cáo m c này.

III. V n i u l và các ch tiêu an toàn tài chính trong n m báo cáo

1. Báo cáo c th v các t t ng, gi m v n i u l trong n m;
2. Báo cáo v tình hình m b o t l v n kh d ng trong n m;
3. Báo cáo v tình hình thay i n m gi c phi u qu trong n m;
4. Các ch tiêu an toàn tài chính khác.

IV. Các số liệu chi tiết trong năm báo cáo

Báo cáo có thể thay đổi nội dung các số liệu chi tiết thu thập trong năm báo cáo:

- Mở rộng diện tích trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch (Liệt kê chi tiết);
- Số lượng nâng cấp thiết bị máy móc thu nhập (Giá trị số);
- Số lượng nâng cấp phần mềm cho các hệ thống (Giá trị số);
- Số lượng kho kết nối lưu trữ dữ liệu, chi phí (Giá trị số);
- Các số liệu chi tiết khác.

V. Hoạt động của công ty chi ngân sách trong năm báo cáo

1. Hoạt động môi giới chi ngân sách

1.1. Số liệu tài khoản và số dư tính

a) Số liệu tài khoản:

Loại khách hàng	Đơn vị	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Số liệu tài khoản có giao dịch trong năm
		Thu	Chi		
Trong nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Ngoài nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Thu					

b) Số dư tính giao dịch chi ngân sách của khách hàng:

Đơn vị: triệu đồng

Loại khách hàng	Đơn vị	Phát sinh trong năm	D cuối năm
Trong nước	Cá nhân		
	Tổ chức		
Ngoài nước	Cá nhân		
	Tổ chức		
Thu			

1.2. Ý thức giao dịch chi ngân sách của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Đơn vị	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Giá trị ý thức (triệu đồng)	Phí ý thức thu được trong năm
		Thu	Chi			
Trong nước						
Ngoài nước						
Thu						

1.3. Tình hình giao dịch chứng khoán trong năm

a) Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm	Tổng giá trị bán trong năm
1. Cổ phiếu				
Trong nước				
Nước ngoài				
2. Trái phiếu				
Trong nước				
Nước ngoài				
3. Chứng chỉ quỹ				
Trong nước				
Nước ngoài				
4. Chứng khoán khác				
Trong nước				
Nước ngoài				
Tổng:				

b) Môi giới chứng khoán chưa niêm yết

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm	Tổng giá trị bán trong năm
1. Cổ phiếu				
2. Trái phiếu				
3. Chứng chỉ quỹ				
4. Chứng khoán khác				
Tổng:				

1.4. Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động:

TT	Phí môi giới	Đơn vị tính (ng)
1	Tổng giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. HCM	
2	Tổng giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. Hà Nội	
3	Tổng giao dịch chứng khoán khác:	
	Cộng	

1.5. Tình hình sales giao dịch môi giới:

- Tổng sales giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.H Chí Minh và tình hình khách phôi;

- Tổng sales giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tình hình khách phôi.

2. Hoạt động doanh nghiệp khoán

Loại CK	Số dư năm		Tổng mua trong năm		Tổng bán trong năm		Dư cuối năm	
	KL	GT	KL	GT	GT	KL	KL	GT
CK niêm yết								
1. Cổ phiếu								
2. Trái phiếu								
3. CCQ								
4. CK khác								
CK chưa niêm yết								
1. Cổ phiếu								
2. Trái phiếu								
3. CCQ								
4. CK khác								
Tổng								

* Giá trị tính theo giá giao dịch.

3. Tình hình đầu tư

STT	Tên tài sản đầu tư	Giá trị (ng)	Tổng số vốn góp của chủ nhân đầu tư (ng)	Tỷ lệ (%)	Tổng giá trị tài sản đầu tư tính theo giá trị hiện tại (ng)	Tỷ lệ đầu tư so với tổng giá trị tài sản (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)	(6)	(7)=(3)/(6)	(8)
	Công ty....						

4. Hoạt động báo lãnh phát hành chứng khoán

T	Tên tài sản phát hành	Loại chứng khoán báo lãnh	Hình thức báo lãnh	Khí lệnh báo lãnh	Giá báo lãnh	Tổng giá trị báo lãnh	Thời gian báo lãnh (t...n...)	Phí báo lãnh

5. Các hoạt động đầu tư và các hoạt động khác:

Loại hoạt động	Số hợp đồng đã ký trong năm	Số hợp đồng đã thanh lý trong năm	Số hợp đồng ký mới trong năm	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối năm	Phí thu trong năm
I. Đầu tư chứng khoán					
II. Đầu tư tài chính					
1. Đầu tư ..					
2. Đầu tư ..					
III. Dịch vụ khác:					
1.					
2.					

VI. Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ

TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
I	Vi phạm quy định về xử lý nợ xấu			
II	V tài chính			
1	Không tuân thủ hạn mức vay			
2	Không tuân thủ hạn chi tiêu			
III	Vi phạm chế độ công bố thông tin			
1	Chế độ công bố thông tin			
2	Không công bố thông tin			
IV	Vi phạm chế độ báo cáo			
1	Nộp chế độ báo cáo			
2	Không nộp báo cáo			
V	V hoạt động giám sát tuân thủ			
1	Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật			
2	Thực hiện các văn bản của UBCKNN			
2	Thực hiện Nghị quy tắc thị trường, Hội đồng, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng			
3	Thực hiện Nghị quy tắc Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty			
4	Thực hiện các Quy tắc của Giám đốc/Tổng Giám đốc			
5	Thực hiện Hợp đồng ký kết với các tác nhân			

VII. Chỉ tiêu an toàn tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỉ lệ
1	Vốn chủ sở hữu (ng)		(2)/(1)*100
2	Lãi (L) / Lợi nhuận (ng)		
3	Tài sản ròng (ng)		(3)/(1)*100
4	Capital adequacy (c phi u)		(4)/(5)*100
5	Capital adequacy (c phi u)		
6	Tỷ lệ nợ (ng)		(6)/(7)
7	Vốn chi trả (ng)		
8	Nợ nợ (ng)		(8)/(9)
9	Tài sản ròng (ng)		
10	Tỷ lệ vốn chi trả (%)		

VIII. Kiến nghị và các quan hệ liên quan

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)